

CỎ THƠM

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

PHÓ CHỦ NHIỆM

PHAN KHÂM

ĐỒNG CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN
NGÔ TĂNG GIAO
PHẠM VĂN TUẤN
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
www.cothommagazine.com

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (703) 471-1271
FAX (703) 471-1196
Email: dsenser@yahoo.com

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. QUỲNH ANH.
Ý ANH. VIỆT BẰNG. HẢI BẰNG H.D.B.
NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐÌNH CƯỜNG.
HOÀNG DUNG. PHAN ANH DŨNG.
VŨ THÁI HÒA. VŨ HỐI. PHAN KHÂM.
VI KHUÊ. HUY LẪM. NGUYỄN LÂN.
NGUYỄN PHÚ LONG. VŨ NAM.
CAO MỸ NHÂN. ĐẶNG NGUYỄN.
DIỆU TẦN. NGUYỄN VĂN THÀNH.
TIỂU THU. HỒNG THỦY.
LÊ THƯƠNG. TRƯƠNG ANH THUY.
BÙI THANH TIÊN. THANH TRANG.
HÀ BÌNH TRUNG. TẠ QUANG TRUNG.
NGUYỄN ĐĂNG TUẤN. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA
HẢI BẰNG HDB: Chandler, AZ
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN
NGUYỄN ĐĂNG TUẤN: Riverview, FL
TIỂU THU: Québec, Canada
VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY
VŨ NAM: Germany



THÁNG 6 NĂM 2009

MỤC LỤC

	Trang		Trang
MINH CHÂU: Tranh Ao Sen	Bìa	HỒNG THỦY: Tiếng Thở Dài.	181
		PHẠM XUÂN THÁI: Nhà Văn Nguyễn Lân	
		<i>Tìm Một Cõi Về</i>	184
VĂN			
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	4	THƠ	
Lá Thư Mùa Hè		HỒ TRƯỜNG AN: Trở Về	8
HỒ TRƯỜNG AN: Bình Nguyên Lộc – Tổng	6	LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ: Mai Vàng Ở	23
Quan Văn Chương		PHAN KHÂM: Nợ	23
PHẠM TRỌNG LÊ: Et Tu Brutè?	14	HỒ CÔNG TÂM: Tình Thơ	35
HÀ NGUYỄN: Về Thăm Yên Tử	24	ĐÔNG ANH: Qua Cầu Gió Bay	35
TRẦN BÍCH SAN: Kinh Thi Việt Nam Hiện Đại	36	CAO MỸ NHÂN: Bến Hoa	35
NGUYỄN VĂN THÀNH:	49	ĐẶNG NGUYỄN: Thương Một Mùa Hoa	64
Phiên Tòa Sét Xử Louis XVI: 1972		VIỆT BẰNG: Già Từ Huyền Thoại	67
LÊ HẬU: Sự Kỳ Bí trong Ngôn Ngữ VN	57	DƯƠNG HUYỆ ANH: Thơ... Chơi	67
NGUYỄN CAO QUYÊN: Tình Hình Hoàng	62	BÌNH HUYỀN: Lối Rẽ Xuân Xanh	87
Sa và Trường Sa dưới Con Mắt Quốc Tế		HOÀNG SONG LIÊM:	102
NGUYỄN KINH BẮC: Cuộc Đời Và Tác	68	Lại Một Tháng Tư Đen	
Phẩm của Thi sĩ Thiên Sư Nhật Bản Ryokan		ĐỖ BÌNH: Cửa Thiền	124
PHẠM VĂN TUẤN: Wolfgang Amadeus Mozart	71	LÝ HIỂU: Quê Hương, ngày Về	124
BÌNH HUYỀN: Nàng	81	BÙI THANH TIÊN: Gọi Tên người Cũ.	124
PHẠM THỊ NHUNG: Nét đẹp của Phụ Nữ	88	BẠCH MAI: Một Ngày Hè	134
Việt Nam xưa qua ca dao		KIỀU ANH: Xin Đừng Gởi Gió	150
BÌNH HUYỀN: Trách Người Đi	94	VŨ HỐI: Mẹ Ở	160
THẢO NGUYỄN: Mẹ chồng Tôi, Bà Thế Lữ	103	TẠ QUANG TRUNG: Cuộc Tình Đã Tan Rời	169
VÕ THU TỊNH: Triết Lý Dân Tộc	108	UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT:	172
Việt Nam Qua Tục Ngữ		Lá Cứng Tình Si Dáng Thần Thờ	
PHẠM PHÚ THỨ: Ông Phan Thanh Giản	116	ĐỖ THỊ MINH GIANG: Tìm Chút Dư Hương	178
TÔ HẢI: Vì Sao Tôi Viết Hồi Ký	125	QUỲNH ANH: Bóng Trăng Tà.	182
LÊ LUYẾN: Giác Mơ Ngày Về	130	YÊN VI: Có Một ngày	183
ĐỖ PHÚ: Cu Gậy	139	NHẠC	
DIỆU TẦN: Văn Hóa Bất Lịch sử	143	ĐAN TRƯỜNG: Trách Người Đi	98
NGUYỄN PHÚ LONG: Cà Phê Cồn Nhỏ Giọt	147	THANH TRANG: Chiều Biển Vắng	166
NGUYỄN T. XUÂN NGA: Walt Disney World	154	Tiểu Sử	
TRẦN THỊ HƯƠNG CAU: Ngõ Tối Con Tim	161		
HOÀNG DUNG: Ký Úc	170		
LÊ THƯỜNG: Hoàng Sa Nhuộm Máu	174		

GIAO ĐIỂM

G. VERDI: Je Chante Avec Toi, Liberté	80
TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO: Tôi Hát Cùng Bạn, Tự Do ới!	80
DMC: Sun Flowers	136
VI KHUÊ: Đêm Mùa Hạ	138
TM: Summer Nights	138
KIM VŨ: Cước Chú Việt Nam	153
Footnote To Vietnam	

HÌNH ẢNH SINH HOẠT

KỶ NIỆM CỎ THƠM 14 TUỔI	187
-------------------------	-----

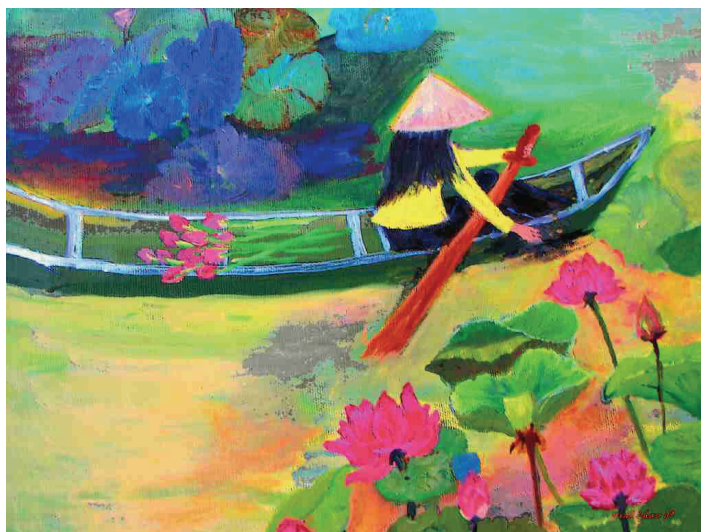
SÁCH MỚI

THƯƠNG VÀNG TRẮNG KHUYẾT Phan Văn Kiều Anh	102
HỒI KÝ CỦA MỘT THẺNG HÈN: Tô Hải	125
QUÁN THƠ, THÁNG NGÀY CÒN LẠI: Cao My Nhân	141

ĐỌC VÀ DỊCH THƠ CHỮ HÁN CỦA NGUYỄN DU: Thảo Nguyên	169
TÌM MỘT CỠ VỀ: Nguyễn Lân	185
JUSTICE AT WORK: Robert A. Senser	198

GIỚI THIỆU

Phòng Mạch Bác Sĩ VÕ ĐẠM	34
Phòng Mạch BS NGUYỄN QUỐC QUÂN	70
BUDDY PHOTO:	79
Phòng Mạch BS NGUYỄN THI KIM DUNG	186
SOVEREIGN REALTY, INC.	186
HARVEST MOON RESTAURANT	199
THƯ MỜI THAM GIA	200
Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm	
PHIẾU THAM GIA	201
Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm	
DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN	202
PHIẾU MUA BÁO /QUẢNG CÁO	203
TỦ SÁCH HỘI VIÊN	204



Tranh Ao Sen: Minh Châu (Virginia)

LÁ THƯ MÙA HÈ

Thưa quý vị độc giả,

Trước hết chúng tôi phải kể đến buổi Kỷ Niệm Cỗ Thơm 14 Tuổi, được tổ chức vào mùa xuân vừa qua, 5 tháng 4 tại Nhà Hàng Harvest Moon, Falls Church, Virginia. Hôm đó trời ấm áp, nắng đẹp, hoa anh đào đang ở thời kỳ nở rộ nhất vùng Hoa Thịnh Đốn. Đã có hơn 250 vị quan khách đến tham dự tiệc Cỗ Thơm. Trong thời buổi khủng hoảng kinh tế, sự vui chơi không cần thiết của nhiều gia đình phải hạn chế, đã có những tổ chức văn nghệ phải hủy bỏ, mà Cỗ Thơm có được số quan khách đó thật là may mắn. Có lẽ Cơ Sở Cỗ Thơm chỉ có mục đích họp mặt chào đón quý độc giả, tác giả, thân hữu cùng gia đình, không xa xỉ, không tốn kém. Nhà hàng khang trang, ẩm cúng, giá vé vào cửa rất khiêm nhượng và món ăn lại ngon.

Chương trình bắt đầu đúng giờ, thật là một sự hiếm có! Phần văn nghệ phong phú, nhưng gọn gàng do Nhạc Sĩ Phan Anh Dũng, chủ biên Website Cỗ Thơm điều khiển. Một trong 5 Chủ Bút Cỗ Thơm, Biên Khảo Gia Trần Bích San về từ New Orleans, Louisiana nói chuyện với đề tài hấp dẫn “Kinh Thi Việt Nam Hiện Đại” được nhiều tràng pháo tay hòa lẫn với tiếng cười thích thú. Quý vị sẽ tìm thấy bài biên khảo đó trong tập Cỗ Thơm này. Nhà Thơ Bạch Mai lộng lẫy trong y phục lễ hội xưa và ngâm một bài thơ của chính tác giả với điệu Ca Trù. Phần ca nhạc do các nghệ sĩ địa phương trình bày nhưng rất xuất sắc trong các bản nhạc được ưa chuộng: Các Nhạc Sĩ Trần Lượng, Tiến Kèn, Hoàng Cung Fa, Phan Anh Dũng, Đàm Xuân Linh, Huy Lãm, các Ca Sĩ Hoàng Tiếp, Tâm Hảo, Kiều Nga, Thái Phương, Hiếu Thuận, Minh Trân, Phương Nga, Bạch Mai, Hoàng Dung, Hoàng Anh, Hoài Thanh, Sĩ Tuấn, Đèo Văn Sách, Bùi Thanh Tiên, Paul Van...

Cũng như những năm trước, để vui chơi và giải trí cho quý quan khách còn năng động, sung sức, phần khiêu vũ không bao giờ thiếu trong các buổi họp mặt của Cỗ Thơm. Cụ Julie Nguyễn Hữu Phước, một độc giả kỳ cựu của Tam Cá Nguyệt San Cỗ Thơm, cũng lả lướt như ai trên sàn vũ trước khi chương trình họp mặt nhẹ nhàng, thoải mái chấm dứt kh lúc 11 như lời khen của quý quan khách.

Thưa quý vị, Xuân đã qua Hè lại tới, hình ảnh quê hương mùa hè mà người Việt hải ngoại thường tưởng nhớ là phượng đỏ, ve sầu kêu. Bài hát “*Hè Về, trời hồng hồng sáng trong trong...*” của Nhạc sĩ Hùng Lô, “*Mùa Hoa Phượng, Hè sang nắng lên hoa về đỏ tươi, Mùa hoa báo tin ve sầu nhạc vui...*” của nhạc sĩ Lê Đô... lại ngân vang trong trí nhớ. Mùa hè Florida có phượng đỏ, California có phượng tím. Nhà người Việt nào cũng có hoa lá quê hương tô điểm trong vườn: như hoa tường vi, hoa dâm bụt, hoa bông giấy, hoa hồng, hoa lựu, hoa đại ... đủ màu đỏ, tím, hồng, trắng, vàng hơn hử khoe sắc tươi.

Trong vườn văn học Cỗ Thơm số này có những sáng tác nào đượm không khí mùa hè nhỉ? Thưa quý vị, có nhà Nhà Thơ Đăng Nguyên “*Thương Một Mùa Hoa*” phượng hồng; Nữ Sĩ Vi Khuê có “*Một Đêm Mùa Hạ*” đáng ghi nhớ; Bạch Mai có “*Một Ngày Hè*” thơ thần, thần thơ; Tác giả Minh Châu đến với Cỗ Thơm lần đầu tiên với tranh bìa *Sen Hạ* và tùy bút Anh Ngữ “*Sun Flowers*”... Xin quý vị tiếp tục dạo chơi vườn Hè Cỗ Thơm để gặp Nhà Văn Hồ Trường An đã hồi phục sau cơn bạo bệnh bên trời Paris và giới thiệu Nhạc Sĩ Đan Trường tác giả bản nhạc “*Trách Người Đi*”; Nhạc Sĩ Tô Hải, tác giả “*Nụ Cười*”

Sơn Cước, tự thú “Tại Sao Tôi Viết Hồi Ký Của Một Thằng Hèn”; Lê Hậu, cây viết mới của Cỏ Thơm, khám phá những “Kỳ Bí Trong Ngôn Ngữ Việt”; Thảo Nguyên nói về “Mẹ Chồng, Bà Thế Lữ”.

Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm đúng ra là một tuyển tập hơn 200 trang biên khảo, thơ, văn chọn lọc. Ngoài những bài viết kể trên, còn nhiều sáng tác đặc sắc khác để quý vị độc giả thưởng thức như bài viết về “Bình Nguyên Lộc, Tổng Quan Văn Chương” của văn thi sĩ Hồ Trường An, “Kinh Thi Việt Nam Hiện Đại” của học giả Trần Bích San. Mời quý vị xem tiếp vở kịch “Julius Caesar” của William Shakespeares do giáo sư Phạm Trọng Lệ dịch và chứng kiến “Phiên Tòa Xét Xử Louis XVI, 1972” của cựu chánh án Nguyễn Văn Thành. Mời quý vị cùng “Đi Thăm Núi Yên Tử” với Hà Nguyễn. Và, vườn chữ Cỏ thơm còn nhiều, nhiều nữa.

Thưa quý vị, một mối phần nộ dầu sôi lửa bỏng như mặt trời mùa Hạ của người Việt hải ngoại cũng như quốc nội là Trung Cộng đã chiếm Thác Bản Dốc, Đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam, nay nhà nước Cộng Sản Việt Nam lại để cho Trung Cộng cô lập miền Tây Nguyên khai thác chất “bauxite”. Xin mời quý vị đọc bài “Tình Hình Trường Sa, Hoàng Sa Dưới Mắt Quốc Tế “ của Nhà Văn Nguyễn Cao Quyền và bài “Hoàng Sa Nhuộm Máu” của Nhà Văn Lê Thương...

Cũng xin quý vị đừng quên Cơ Sở Cỏ Thơm còn có Website <www.cothommagazine.com> do Phan Anh Dũng trình bày. Mục ca nhạc chủ đề, danh họa triển lãm và nhiều đề mục khác được biên soạn rất công phu. Độc giả vui mừng tìm nghe lại những bản nhạc ưa thích trong mục nhạc chủ đề: “Xuân Mênh Mông, Tháng Tư Tưởng Nhớ Sài Gòn, Thương Yêu Mẹ Hiền” và thưởng ngoạn những bức danh họa nổi tiếng thế giới...

Cỏ Thơm cũng xin có lời chúc mừng và giới thiệu cùng quý vị độc giả:

Tác giả Thảo Nguyên cũng vừa cho phát hành cuốn sách biên khảo công phu, giá trị, *Đọc và Dịch Thơ Chữ Hán Của Nguyễn Du* với hai bản Hán, Nôm và Việt Ngữ chắt chiu, tình cảm. Quý vị yêu thơ cổ, thơ Nguyễn Du nên tìm đọc cuốn sách này.

Nữ sĩ Cao My Nhân hậu duệ của Cụ Huấn Cao Bá Quát, vừa cho xuất bản *Quán Thơ, Những Ngày Còn Lại* với hơn 150 trang thơ tâm tình, quý vị yêu thơ không thể bỏ qua.

Nhà Văn Nguyễn Lâm, tác giả tập truyện ngắn *Sôi Nổi* vừa cho ra mắt tác phẩm thứ hai, cuốn tiểu thuyết tâm lý, tình cảm, xã hội, *Tìm Một Cõi Vẽ*, tại Northern Virginia.

Sau hết, chúng tôi cũng xin trân tình cùng quý vị đôi điều. Vì bài vở quá nhiều, nhà văn Vũ Nam, Tiểu Thu và Nguyễn Thị Ngọc Dung xin nhường đất trồng hoa trong vườn Cỏ Thơm mùa hè này cho các tác giả khác. Chúng tôi thành thật xin lỗi quý vị đã phải gác lại vài sáng tác đến số báo sau. Xin quý vị thông cảm.

Mong rằng như bao giờ, Tập San Cỏ Thơm sẽ đem đến quý vị những giờ phút giải trí tinh thần thanh tao, tươi mát trong mùa hè êm đềm, hạnh phúc và chúng tôi sẽ có nhiều chuyện vui để tâm tình cùng quý vị vào số mùa thu.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

BÌNH NGUYỄN LỘC, TỔNG QUAN VĂN CHƯƠNG

HỒ TRƯỜNG AN

Đất đai man rợ, rừng rú hoang vu càng làm cho những cây bút văn chương thêm khởi hứng. Và từ đó, những tác phẩm viết về quê hương đất nước của họ bùng sáng lên cảm nghĩ kỳ diệu bất ngờ, khả năng sáng tác của họ thêm sắc thái lộng lẫy tinh khôi. Vào thời Phục Hưng, dưới triều đại Đế Nhị Đế Quốc của Hoàng đế Nã-phá-luân Đệ Tam, Nữ Sĩ George Sand là ngôi tinh đầu rực rỡ trong văn giới qua các cuốn tiểu thuyết đồng quê như *La Petite Fadette*, *La Mare Au Diable*, *François Le Champi...* Tuy nhiên, quê hương Nohant thuộc vùng Perry của nữ sĩ chỉ là một vùng quê đầy huyền thoại thần bí và truyền kỳ ẩn mật mà không phải là vùng đất mới khai phá trước khi bà mở mắt chào đời. Nhưng vùng Cà Mau mà Sơn Nam đã có một thời gian cư ngụ, vùng Tân Uyên Đất Bái là nơi sinh quán của Bình Nguyễn Lộc trái lại có nhiều hoang địa, chưa có gót chân dân khai phá đặt đến. Những nơi đó dĩ nhiên có nhiều cái huyền bí thật quyến rũ, nhiều nếp sống lộng xa xăm ánh sáng văn minh. Chúng đem lại biết bao vận sự kỳ thú cho hai nhà danh sĩ đất nước Nam Kỳ kia, để gây cho họ sự nghiệp văn chương đồ sộ nguy nga.

Văn chương của anh Sơn Nam lẫn của anh Bình Nguyễn Lộc hào hứng tuyệt vời, vạm vỡ sức sống của tiền nhân trong cuộc khai hoang lập ấp và

bùng bùng khí phách và anh linh của dân tộc thời xa xưa. Hai anh đẩy lui Nữ Sĩ George Sand vào lãnh vực nhỏ dưới bóng trăng thơ mộng và trong ánh nắng trữ tình của tiểu thuyết tâm lý ái tình dùng đất quê làm bối cảnh. Còn hai nhà văn đồng bào đồng chủng của chúng ta trái lại biến ngôi bút mình thành lưỡi dao thiêng hay thanh kiếm thần để vạch trong tâm tưởng độc giả đô thị một chân trời khoáng đạt bao la trải dài tới miền Cực Nam của đất nước.



Văn chương biểu dương bản sắc thuần túy của Bình Nguyễn Lộc là những truyện ngắn được đưa vào các tập truyện *Nhốt Gió*, *Ký Thác*, *Mưa Thu Nhớ Tầm*, *Cuống Rúng Chưa Lia...* Đó là những tác phẩm chất lọc cái tinh hoa quý giá của thần trí sáng tạo của anh. Văn chương trong đó nồng nàn tình yêu quê cha đất mẹ. Đôi khi cái nồng nàn đó lên tới mức độ sôi nổi nên anh không làm chủ được ngôi bút của mình. Do đó văn chương ấy

trở nên bộc tuệch, trống trải, cường điệu, bộc lộ cá tính Nam Kỳ. Cái bộc lộ ấy chưa chắc là cái khuyết điểm hay nhược điểm gì. Trái lại, nó làm cho sự diễn đạt tinh ý của anh thêm minh bạch, thêm tươi rói và cực kỳ quyến rũ. Anh để mặc cho tâm sự mình phơi bày hỏ hang, trần trụi, không nguy trang, không úp mở. Độc giả đa số không cần ở văn chương anh cái mảnh khốc tiềm ẩn hay cái phong niêm tinh xảo để làm cho sự diễn tả được hàm súc và ý nhị. Họ chỉ cần tấm lòng tươi son bền

sắt của anh đối với quê hương của anh. Có như thế, họ mới vui dưới lớp tro tàn của thời gian cái tình cảm nồng cháy và đượm đà của họ như mẻ than ngùn lửa hồng không bao giờ tắt đối với nơi chôn nhau cắt rún của họ. Tấm lòng anh cũng có thể tượng trưng qua những loại cỏ thụ chẳng hạn như cây đa, cây gò, cây bồ đề, cây thù dương, cây hoàng lan cắm rễ sâu xuống mảnh đất để giao tiếp với lớp nước trong mát bất tuyệt để cành lá chúng mãi mãi tươi xanh dù gặp cơn nắng lũ đi nữa. Ôi là mảnh đất đã từng chứng kiến cái thời kỳ chúng chỉ là mầm cây nhỏ chưa bén đất!

Truyện ngắn viết về tình yêu đất trong sự nghiệp văn chương và trong cuộc bút trình của Bình Nguyên Lộc nổi bật lên, như trên nền trời hồng ánh bình minh in rõ nét dáng núi duyên dáng với sắc thúy màu lam êm dịu.

Đây là tâm sự người thiếu phụ lấy chồng Pháp về thăm quê hương vào dịp cận Tết trong truyện ngắn “Chiêu Hồn Nước” trong tập truyện *Cuống Rún Chứa Lia* do Văn Nghệ (California, Hoa Kỳ) tái bản. Về Sài Gòn sau bao năm lìa quê theo chồng đi chủng, nàng chẳng còn người thân thuộc nào nên nàng muốn một căn phòng ở khách sạn để dọn bàn thờ và tranh ảnh đón xuân. Tuy nhiên, vào tối hôm chín tháng chạp, nàng gặp một nhà thơ để có dịp phơi bày nỗi niềm của mình:

... Năm đó em học ban Trung học Pháp Việt ở Sài Gòn. Non kỳ nghỉ hè, em về quê, một làng hẻo lánh kia, rồi bị một nhóm quân nhân Pháp hiếp.

Sợ gia đình em thưa kiện, chúng nó phao vu em rồi bắt em đi. Ra tỉnh bị giam một thời gian thì em được thả, nhưng có còn gì nữa đâu mà quay về. Vừa lúc ấy thì một sĩ quan Pháp phải lòng em và bao em.

Em bằng lòng theo nó, vì cũng chẳng thiết làm lại cuộc đời, và một năm sau, đạo quân viễn chinh rút lui, em theo y về bên ấy, và được y cưới luôn, rồi em xin vào Pháp tịch.

Hai năm đầu, em vui với được với cảnh lạ, nhưng khi hay tin cha mẹ em qua đời, em bỗng chạnh nhớ quê nhà.

Ban đầu chỉ là nỗi nhớ nhưng nhẹ nhõm thôi. Nhưng càng ngày lòng sầu xử càng sâu đậm, em không chịu nổi nữa nên vào cuối năm 1958 ấy, em có dư chút ít, xin thông hành với tư cách du khách về đây, cũng là cuối tháng chạp như năm nay.

Không thể nào mà anh tưởng tượng nỗi sự thèm khát quê hương của một kẻ viễn viễn không hy vọng trở về như em. Thèm như là thèm món cá nướng chấm mắm nêm, thèm hương bưởi, thèm tiếng chuông chùa ngân nga vào buổi hoàng hôn, thèm cảnh cấy mạ vào đầu mùa lúa. Thèm chết đi được là vào lúc gần Tết, tức là khoảng đầu năm dương lịch. Nhớ Tết như nhớ nhà, nhớ nước, bởi vì Tết là sum họp gia đình.

(Chiêu Hồn Nước, trang 48)

Tình yêu quê hương của Bình Nguyên Lộc càng rõ rệt hơn, như vàng trắng rằm sáng nguy nga treo trên nền trời đêm màu thúy lam tối đậm. Xin đọc tâm sự một bà già nhà quê vì ly loạn nên phải ra sinh sống ở tỉnh thành, phải xài bếp dầu để nấu nướng. Đây là đoạn trích trong cuộc mạn đàm giữa bà cùng con gái, chàng rể và con bé cháu ngoại của bà:

... rồi má tôi chậm rãi tuyên truyền cho tôi nghe:

-- Nè, củi mỗi thứ mỗi khác đó nghe. Củi bấp phơi khô để làm củi, thì ngọn lửa xanh như lửa đèn cồn. Vỏ măng cụt phơi khô, chụm nó nổ lách tách y như than Cà mau. Củi nhánh sao chết rụng trên vệ đường, nó cháy rồi tỏa ra cái mùi thời tiết gió bắc về. Còn mảy biết củi gì thơm ngát hay không? Đó là dăm tiện.

-- Dăm tiện là gì má? Chồng tôi hỏi.

-- Muốn làm những vật dụng tròn như kiếu chơn bàn, chơn ghé kia chẳng hạn, thợ tiện họ đưa cây vào máy tiện, cây nó mới tròn trịa đều đặn được, chớ thợ mộc tài nào mà traу giời cho nó tròn. Các món tiện, luôn luôn là vật dụng quý mến nên được làm bằng thứ gỗ quý: trắc, cẩm lai, huỳnh đàn, cho nên dăm tiện nó thơm đủ lắm, thơm cái mùi hỗn

hộp đủ loại gỗ mắc tiền. Lửa củi đã thơm mà hình thù nó cũng hay lắm. Nó cháy lên, mình thấy được, chớ vô hình như lửa đèn dầu. Nhìn ngọn lửa cũng ngộ, nhìn màu lửa còn ngộ hơn...

(Lửa Tết, các trang 66, 67)

Về bút pháp, Bình Nguyên Lộc dùng phần nội hường đồng bình đậm để làm món trang sức. Còn về ngôn ngữ, anh áp dụng ngôn ngữ vùng miền Nam Kỳ Lục Tỉnh tối đa. Thỉnh thoảng, anh đậm nhưng chủ yếu bác nhưng thông dụng vào ngôn ngữ mộc mạc căn bản dành cho khẩu khí và ngôn ngữ của thị dân, còn thứ ngôn ngữ thuần túy quê rít quê rang thì dành cho thôn dân. Trong khi đó, Lê Xuyên gán vào miệng cho các nhân vật đủ mọi lứa tuổi (nam phụ lão ấu), đủ mọi tánh nết (dữ, hiền, ôn nhu, kiêu mạn, lẳng lơ...), hoặc đủ thành phần trong xã hội (hạng lương gia, hạng dân tú xú, hạng trưởng giả, hạng đàng điếm) cái ngôn ngữ trần trề ngữ pháp, thổ âm, tiếng lóng đặc biệt Nam Kỳ. Cả hai trái hẳn cách sáng tạo ngôn ngữ của Nhất Hạnh: Đức Phật hay một vị Hiền Thánh Tăng nào hoặc một đạo sư nào, một bậc tế quan hay một kẻ lê dân nào... một khi chui vào quyển *Đường Xưa Mây Trắng* của đường sự là họ trở lời ôn ền của nàng sủng phi dùng để nhõng nhõo với đấng quân vương. Thiển sư chúng ta không chịu nhập vào vai trò qua cách ăn nói. Đường sự không bao giờ thoát khỏi cái lưới làm dáng làm duyên trong khi viết đối thoại trong văn chương.

Ở bài viết về Nhà Văn Bình Nguyên Lộc cho quyển *Náo Nức Hội Trăng Rằm* này tôi xin dùng bài *Tổng Quan Về Sự Nghiệp Văn Chương Của Bình Nguyên Lộc* của tôi đã đăng trên nguyệt san Văn Học số 18 (tháng 7 năm 1987) và thay cho nó cái tựa: *Bình Nguyên Lộc, Tổng Quan Văn Chương Vùng Đất Đồng Nai*. Dĩ nhiên tôi nhuận sắc và gia giảm mắm muối ở một vài chỗ theo nhu cầu suy tư và cảm nghĩ hiện thời của tôi.

Và tôi cũng xin thưa luôn: những đoạn trích dẫn trong các truyện ngắn của Bình Nguyên Lộc, tôi dựa vào tập truyện *Ký Thác* do Văn Nghệ (California) tái

TRỞ VỀ

Tặng chị Nguyễn Thị Ngọc Dung

Theo chim rẽ quạt tôi về
Một vùng ruộng trứng nổi đê ruộng gò
Ngọt bùi củ ấu, củ co
Mặn mà ơi dĩa cá kho thuở nào!

Ơi, vườn thơm ngát hương cau
Sân phơi vật nắng, xôn xao chim mùa
Cô thôn vắng tiếng gà trưa
Sữa trắng tiếng chó vu vơ cuối làng.
Mạch đời trôi chậm mệnh mang
Chân mây, phố thị âm vang tắt rồi
Tôi về soi lại bóng tôi
Trong gương ao thẳm, dưới trời nắng hanh.

Ra đi là chuyện cũng đành
Trở về, giấc mộng chưa thành, thế thôi!

HỒ TRƯỜNG AN

(Trích Vườn Cau Quê Ngoại)
(2003)

bản vào năm 1986.

*

Nhà văn Bình Nguyên Lộc chết vào ngày 7-3-1987, mãi một tuần sau chị Vi Khuê cùng anh Chủ Bá Anh ở Hoa-thịnh-đốn mới cho tôi hay. Tôi thành thật tiếc thương anh cũng như tôi giận cho cái số phận đen đui của mình. Tôi muốn hỏi anh về tin tức của các nhà văn nhà thơ gốc người Nam đã từng

viết văn làm báo với anh, hiện còn kẹt ở quê nhà như các anh Dương Trủ La (nhà văn), Trương Đạm Thủy (nhà văn), Hà Liên Tử (nhà thơ), Anh Tuyến (nhà thơ), Anh Việt Thanh (nhà thơ). Những nhà văn, nhà thơ đó vào thập niên 50, tôi đã từng mến mộ, dù văn tài, thi tài của họ chưa đủ sức thoát ra khỏi sự thờ ơ của độc giả để đăng vào văn đàn, thi đàn. Trên Văn Học số 15 (tháng 4/1987); ở truyện ngắn *Chiêu Hồn Nước*, Bình Nguyên Lộc có trích vài đoạn thơ của Hà Liên Tử, có lẽ thơ của Hà tiên sinh không hợp thời, không hợp sở thích với khách yêu thơ nữa, nhưng đó là tiếng vọng thời mới lớn của tôi, vào năm 1952, 1953 thì phải.

Chưa kịp hỏi thì anh Lộc đã từ trần!

Tôi đọc văn của Bình Nguyên Lộc từ năm 1948, khi tôi vào ngưỡng cửa trung học Tỉnh Vinh Long (Trường Collège de Vinh Long, dạy chương trình Pháp). Rồi vào năm 1956, tôi đọc một vài truyện ngắn của anh trên tạp san Văn Hóa Ngày Nay do Nhất Linh chủ trương như *Bàn Tay Sáu Ngón*, *Hồn Ma Cũ...*

Giữa lúc tôi mê xem truyện của Bà Tùng Long, Bà Tú Hoa, Dương Hà, Ngọc Sơn, Thanh Thủy, Trọng Nguyên, Nguyễn Ngọc Mẫn thì truyện ngắn của Bình Nguyên Lộc cho tôi một vài ý niệm mới: thế nào là một tác phẩm nghệ thuật? Người Nam Kỳ thuở đó viết được truyện dài, truyện ngắn, nhưng chưa hề biết viết văn, họ chỉ biết kể chuyện. Trừ Bình Nguyên Lộc, chỉ có Phi Vân là có thể viết truyện ngắn có tính chất nghệ thuật mà thôi: đó là tập truyện *Đồng Quê*. Sau *Đồng Quê*, Phi Vân viết thêm vài truyện dài như *Cô Gái Quê*, *Tình Quê* lại... hồng. Đó chỉ là những cuốn tiểu thuyết dùng để giải trí mà thôi.

Cũng thế, Bình Nguyên Lộc rất thành công về truyện ngắn hơn là truyện dài. Chính ở truyện ngắn, anh có thể biểu dương văn tài của anh. Chỉ có truyện ngắn mới tạo cho anh một chỗ đứng vững chắc và sáng sủa trên văn đàn. Chính nhờ âm vang và ảnh hưởng tốt đẹp của tập truyện *Nhốt Gió*, của vài truyện ngắn đăng trên Văn Hóa Ngày Nay, độc giả

mới ưu ái anh, sẵn sàng đón tiếp nồng nhiệt quyển truyện dài *Đò Dọc* ra đời vào năm 1959 và cuốn truyện dài *Gico Gió Gặt Bão* ra đời vào năm 1960.

Tôi đã từng theo dõi hành trình các tác giả gốc người miền Nam trước Bình Nguyên Lộc sát nút. Họ kể truyện dài, truyện ngắn phom phom, trơn láng, duyên dáng tuyệt vời, quyển rữ rất nồng đượm. Kể truyện là thuật lại sự việc, chú không dựng được một cảnh sống. Người kể truyện chỉ nói trực tiếp sự việc, thí dụ: Buổi sáng, cô Lan đi chợ. Người viết văn thì không thể luôi biếng như vậy. Ông ta dựng ngay cái khung cảnh buổi sáng từ nhà cô Lan đến chợ. Ông ta còn tả chân dung cô Lan, dáng điệu, cử chỉ cô Lan và ông ta lại còn tả cảm nghĩ của cô Lan về buổi sáng, về khung cảnh chợ nữa. Nhà văn là kẻ đi chậm hơn người kể chuyện rất nhiều. Ông ta là kẻ rị mọ cũng như người thợ kim hoàn trong việc chạm trổ các món nữ trang. Ông ta dựng cảnh sống chưa đủ, còn phân tách tâm trạng nhân vật song song với công trình phân tích sự việc. Chính ở *Đò Dọc*, độc giả miền Nam đã thấy Bình Nguyên Lộc đã nắm vững nghệ thuật viết văn. Anh viết lưu loát, ngon ơ, tuôn tuột, trơn như mỡ, láng như dầu, nhưng vẫn giữ phong thái của một nhà văn thuần túy. Anh khác hẳn các Bà Tú Hoa, Tùng Long, Lan Phương cùng các anh Việt Quang, Ngọc Sơn, Thanh Thủy, Trọng Nguyên, Dương Hà, Nguyễn Ngọc Mẫn, Triệu Triệu, Tiêu Kim Thủy, Ngọc Linh, Sĩ Trung ở chỗ chỉ kể chuyện từ đầu tới cuối, hiếm hoi lắm độc giả mới thấy họ phác thảo vài dòng miêu tả ngắn gọn. Đã 27 năm qua, trong ký ức tôi như in rõ nét cảnh anh chàng Long và Cô Hồng trong *Đò Dọc* hẹn hò nhau, ngắm sao băng trên nền trời đêm để cùng thề ước nhau. Và tác giả còn tả tỉ mỉ hơn lúc cô gái tên Quá cầm mấy viên thuốc ngủ để quyến sinh. Anh phân tích tâm trạng cô ta thật chi li sắc bén... Lúc đó, tôi còn là học sinh tỉnh lẻ. *Đò Dọc* là cảnh sống cô đơn của bốn chị em Hương, Hồng, Hoa, Quá tại một vùng nửa chợ nửa quê nằm bên quốc lộ từ Sài Gòn xuôi về Biên Hoà. Vạy mà nhờ tai nạn xe cộ của một chàng tên Long,

trừ cô Hương yên phận gái già ra, ba chị em kia bắt đầu yêu đương liều lĩnh, tuy sự liều lĩnh kia vẫn ngoan ngoãn nằm yên trong khuôn nếp lễ giáo... Cảnh ghen tương, ầu đả, thất vọng xảy ra sau lưng ông cha bà mẹ cho tới khi cô Út tên Quá quyền sinh và được cứu sống. Sau hết, truyện kết thúc bằng ba cuộc hôn nhân của ba cô Hồng, Hoa, Quá với 3 cậu thanh niên thuộc giai cấp trung lưu trong đó có chàng Long. Chàng vốn là nạn nhân của tai nạn xe cộ, nhưng lại là thủ phạm đã từng gây sóng gió trong lòng ba cô em của cô Hương... Tuy nhiên, sau rớt, chàng kết hôn với cô Hồng, kẻ mà chàng yêu đương chân thành. Tác giả chỉ chừa cô chị lớn (cô Hương) để cô ở lại nhà săn sóc cha mẹ.

Tiếp theo truyện *Đò Dọc* là truyện *Giao Gió Gặt Bão* cũng chỉ là cuốn tiểu thuyết tâm lý ái tình, cảnh chung sống của bộ ba, một ông hai bà... Cuốn đó không thể thấp sáng văn tài Bình Nguyên Lộc được. Phải đợi tới tập truyện *Ký Thác* với hai truyện *Rừng Mắm*, *Ba Con Cáo* mới làm rung động văn giới. Truyện ngắn *Rừng Mắm* rất sâu sắc trong công việc nêu cao tình đất, chẳng những mở cho đất nước một chiều dài thênh thang mà còn nuôi ngọn lửa hy vọng về tương lai huy hoàng của những kẻ khai hoang khẩn đất. Truyện *Ba Con Cáo* thấp sáng thiên lương và tình người, gây niềm tin yêu cho độc giả về khía cạnh tích cực và tốt đẹp của con người dù xã hội và hoàn cảnh đẩy đưa nhân vật vào hành vi phản phúc, đối trá, lọc lừa.

Bóng Ai Ngoài Song Cửa là cuốn tiểu thuyết phỏng theo ba vở kịch *Marius*, *Fanny và César* của Marcel Pagnol. *Xô Ngã Bức Tường Rêu* là cuốn đả phá giai cấp và đề cao tình yêu. *Uống Lộn Thuốc Tiên* là cuốn tiểu thuyết mô tả cuộc sống lứa đôi giữa người vợ trẻ măng và người chồng luống tuổi, qua bao chúng nghiệm đau thương cả hai yêu nhau chân thành. *Hoa Hậu Bờ Đào* mô tả cô gái đẹp lặn xả vào cuộc đời phồn tạp quá sớm.

Thành công về truyện ngắn (ở phương diện nghệ thuật), Bình Nguyên Lộc lại cho trình làng tập truyện *Tâm Trạng Hồng*. Ở đây nòng độ nghệ thuật bị pha

loãng vì đây là chỉ là những chuyện hài hước qua những truyền thuyết của kẻ trà dư tửu hậu hoặc của những bà ngồi lê đôi mách, xen vào đó là những vở hài kịch ngắn, chúng tỏ khiêu trào lộng bên nhạy nhưng không thâm thúy của tác giả. Lại nữa, anh không gây một dư âm, một chút suy nghĩ nào cho độc giả sau khi họ xếp quyển sách ấy lại.

Những truyện dài của Bình Nguyên Lộc hết 99% đều đăng theo thể thức từng kỳ (feuilleton) trước khi đăng thành sách. Khi xuất hiện từng kỳ trên báo, tác giả không tránh khỏi theo thói viết đối thoại cù nhây cù nhằng, tức là anh kéo dài lời ông qua và lời bà lại một cách thừa thãi và vô bổ. Khi in thành sách, anh cắt xén bớt những câu đối thoại vô thường vô phạt lẫn những câu nhì nhằng. Nhưng quyển sách vẫn không sạch sẽ gọn gàng, vẫn như mảnh đất hầy còn những bụi hoang đầy cành lá rườm rà, những cỏ dại bụi gai, không để cho những hoa thơm ý tưởng có thêm chỗ đất trống để trở sắc từng bùng hơn và tỏa hương ngào ngạt hơn. Những Ngọc Linh, Sĩ Trung, Dương Trữ La đã theo bước chân anh thì chẳng nói làm gì vì họ là những cây bút đứng bên ngoài văn học sử. Nhưng Túy Hồng, Thụy Vũ, Văn Quang, Thanh Nam cũng làm những gì Bình Nguyên Lộc đã làm thì họ hy sinh quá nhiều nghệ thuật tính. Càng kéo dài đối thoại, họ càng pha lợt pha loãng cái phẩm chất của quyển sách. Nhưng Lê Xuyên thì khác, càng kéo dài cuộc đối thoại, anh càng thấp sáng cái mãnh lực màu nhiệm ngôn ngữ đất Nam Kỳ Lục Tỉnh, càng khơi bùng bùng ngọn lửa thiêng của những kẻ yêu ngôn ngữ trên đất nước quê hương được khai phá do cuộc Nam Tiến của dân tộc. Viết feuilleton là phải nhắm vào tâm lý và thị hiếu của quần chúng. Giới bình dân Nam Kỳ vốn thích chuyện nhơn quả, chuyện oán trả ơn đền, chuyện ngồi lê đôi mách, chuyện hài hước theo kiểu hề giễu trên sân khấu ca kịch cải lương, chuyện tôn vương hòa hiệp của các nhân vật chánh diện sau bao phen hoạn nạn tai ương. Vì vậy, Bình Nguyên Lộc có hai loại độc giả: nhóm thức giả có kiến thức trên trung bình và nhóm độc giả thuộc giới bình dân dưng

văn chương để giải trí. Cả hai loại độc giả đều ủng hộ truyện dài của anh hết mình.

Tôi cần nhấn mạnh kéo quý vị độc giả hiểu lầm. Không phải mỗi truyện dài của Bình Nguyên Lộc hoàn toàn là truyện giải trí, loại mua vui cũng được một vài trống canh đâu. Anh viết truyện dài với tất cả ý thức của một nhà văn chân chính song song với việc nuông chiều thị hiếu của quần chúng độc giả. Đó là điều khó khăn nhất cho người cầm bút. Vì sao? Thị hiếu quần chúng hầu như không đi đôi với nghệ thuật. Viết mà chú trọng nhiều về nhân sinh quan, về tâm lý nhân vật, luôn cả nếu tác giả tả cảnh, tả người, tả sự việc quá chi ly tỉ mỉ thì đương sự sẽ làm cho độc giả không có sở tri phong phú về văn chương đâm ra mệt hốc hác khờ khạo. Còn viết ướm át, lâm ly, phi thực tế để nâng niu giấc mơ lối bạch hoặc o bế hoài bão cả chốn của giới độc giả hoang tưởng ở tầng lớp hạ lưu trong xã hội tức là tác giả nếu không cưỡng dâm nghệ thuật thì cũng xử lảng tri ngòi bút của mình không chút xót xa. Vậy mà Bình Nguyên Lộc vẫn nắm vững lối viết đầy nghệ thuật tinh, vẫn chiều theo khiếu thưởng ngoạn của độc giả để tên tuổi mình vẫn vừa sáng vạng vạc trên văn đàn vừa đi sâu vào quảng đại quần chúng.

Trong bán thập niên cuối của thập niên 50 và trong suốt thập niên 60. Bình Nguyên Lộc là một nhà văn “populaire” (phổ thông) nhất. Đừng ai đồng đánh cho rằng những nhà văn “populaire” là nhà văn nếu không thuộc loại viết tiểu thuyết ba xu (như loại tiểu thuyết Harlequin) thì cũng là thứ nhà văn xoàng xĩnh, tài năng chai cứng và sượng ngắt. Điều này hoàn toàn không đúng với Bình Nguyên Lộc, nhất là với Nhà Văn Georges Simenon của nền văn chương nước Pháp. Ông này đã cho xuất bản trên 400 tác phẩm, đa số là loại trinh thám (những cuộc điều tra án mạng của ông Cò Maigret). Nhưng bên số lượng phồn thịnh của tiểu thuyết trinh thám thuộc loại siêu cấp đó, ông ta vẫn viết những tác phẩm văn chương, thí dụ như cuốn tiểu thuyết tâm lý *Chỉ Còn Những Cây Hạnh Đào* (*Il n'y avait que les*

noisetiers). Đã đành Bình Nguyên Lộc viết truyện ngắn cho những người sành điệu văn chương, nhưng anh đâu phải viết truyện dài chỉ dành riêng biệt dành cho giới bình dân? Truyện dài của anh đã dựng được những cảnh sống (hoạt cảnh, phong cảnh, cảnh ngộ) lại còn vẽ được những nhân vật sống thực, và hơn nữa tác phẩm truyện dài của anh còn chứa đựng nhiều nhân sinh quan sắc sảo, rất cận nhân tình. Ngòi bút anh vì chiều theo độc giả bình dân cho nên trong các truyện dài của anh hầu như không có bối cảnh đồng quê, không có những nhân vật thôn dân, mà lại có khung cảnh thị thành, khung cảnh nửa chợ nửa quê với các thị dân từ bụi trung lưu trở lên. Giới độc giả bình dân lam lũ vốn nhàm chán cảnh nghèo hèn của họ. Đọc quyển sách có khung cảnh đồng quê, có khung cảnh xóm chòi lá vách đất với những nhân vật cày sâu cuốc bẫm hay các nhân vật mua thúng bán bưng thì họ đâm ra nản lòng vì họ phải nhìn sâu vào hoàn cảnh sẫm buồn của họ. Còn khi đi xem hát bội hay hát Hồ Quảng, họ cốt ý muốn được xem tuồng tích có cảnh trí huy hoàng với lâu đài tráng lệ, cung điện nguy nga, có y quan lộng lẫy, có các nhân vật quý tộc như hoàng đế vương hầu, hoàng hậu quý phi, tế quan khanh tướng, công nương quận chúa... Họ đâu muốn cảnh đời hiện tại của họ hiện rõ trên trang sách phơi mở hay được dựng trên sân gỗ sân khấu khi bức màn nhung chẻ đôi và vén ra. Bình Nguyên Lộc khi viết truyện dài biết đưa họ lạc vào cảnh giàu sang của giới thượng lưu hay cảnh đầm ấm thoải mái của giới trung lưu được ánh sáng văn minh soi đến, nhưng đáng quý nhất là anh nếu không viết được truyện dài xuất sắc thì cũng giữ cho cái phẩm chất của chúng vào bậc trung, chớ không để chúng rớt xuống loại tiểu thuyết ba xu hạ cấp.

Bên cạnh những truyện dài *Ái Ân Thâu Ngán Cho Dài Tiếc Thương, Nhện Chờ Mối Ai, Trâm Nhớ Ngàn Thương* (Trâm chớ không phải Trâm, ở đây cô Trâm và cậu Ngán thương nhớ nhau), Bình Nguyên Lộc viết một truyện dài thuộc về bệnh lý hồn chúng (*l'amnésie*) trong truyện dài *Khi Từ Thức Về Trần*. Truyện này mô tả một người bị tai

nạn xe hơi quên hẳn quá khứ trong đó có gia đình mình. Anh ta xây dựng một cuộc đời khác, có vợ con khác. Rồi một tai nạn khác xảy đến: anh ta bị một kẻ cướp đập vào đầu một cú đau điếng. Anh ta vụt nhớ lại quá khứ cũ, gia đình cũ nên tìm về vợ con cũ. Họ đều tưởng anh đã chết trong tai nạn xe hơi hồi trên 20 năm trước; người vợ trước đã đi lấy chồng khác, các con dòng trước đã trưởng thành. Họ nhìn anh ta ngỡ ngàng xa lạ, không thể cùng anh ta ráp lại những mảnh tan vỡ cũ để tái lập một gia đình đầm ấm và nguyên vẹn như xưa. Sau cùng, anh ta trở về gia đình hiện tại, sống trong cảnh hạnh phúc với vợ con hiện tại. Truyện dài này có vẻ đặc sắc hơn mọi truyện dài khác.

Bình Nguyên Lộc trong những năm 1965, 1966, 1967 cộng tác với những tạp san văn nghệ đứng đầu trong đó có tạp san Văn (do Nguyễn Đình Vượng làm chủ nhiệm, do Trần Phong Giao rồi tới Mai Thảo làm chủ bút) bằng những truyện ngắn mà anh viết cho anh để hoài niệm quê hương, để sống trong tình yêu đất. Trên tạp san Hương Quê, truyện ngắn của anh đưa độc giả trở về từng vùng quê, từng cảnh ngộ dân quê một cách thích thú... Những truyện ngắn đó được anh lần lượt đưa vào các tập truyện *Mùa Thu Nhớ Tầm, Tình Đất và Cuống Rún Chưa Lìa*.

Truyện dài của Bình Nguyên Lộc gặt thêm một thành công khác. Vào năm 1972, điện ảnh gia Lê Dân chọn truyện *Một Nàng Hai Chàng* của anh để quay thành phim *Hồng Yến* với các Tài Tử Kiều Chinh, Tâm Phan và Trần Quang. Nhưng điều đó chưa gây tiếng vang ỏi và sâu rộng trong văn giới bằng cuốn phóng sự của anh nhan đề *Những Bước Lang Thang Trên Hè Phố Của Gã Bình Nguyên Lộc*. Anh đã đổi thực đơn cho độc giả vào năm 1966, nhưng vẫn tiếp tục viết feuilleton. Mãi đến năm 1973, Bình Nguyên Lộc bắt đầu tung ra hai cuốn biên khảo là *Nguồn Gốc Mã Lai Của Dân Tộc Việt Nam và Lộ Trình Việt Ngữ*. Đó là kết quả công trình do nhiều năm anh cặm cụi sưu tầm tài

liệu và là kết quả công việc nghiên cứu một cách say mê.

*

Ai cũng vậy, hễ cầm bút viết về một nhà văn tiền bối nào, hoặc về một cây bút trưởng thượng nào là đương sự thích tế sống hơn là tế chết người được viết. Thiệt tình, trong vài bài đăng ở Văn, Làng Văn, tôi đã từng tế sống anh Bình Nguyên Lộc. Tôi có dè dặt chưa đây một năm, tôi lại phải viết một bài tưởng niệm vong linh anh, coi như một nén nhang đốt tiễn đưa anh về bên kia thế giới.

Dù tôi có thay đổi nhiều lượt, nhiều phen về quan niệm văn chương, nhưng sự nghiệp văn chương của anh và công trình sưu khảo của anh đã đóng góp cho văn hóa dân tộc biết bao món trân bảo ngoạn mục. Và khi đọc truyện *Ký Thác* của anh, tôi như sống lại cái thời thanh xuân rực rỡ nhất của tôi, cái thuở mà song song với niềm say mê quyển sách ấy, tôi theo dõi những truyện dài mà anh đã đăng trên các nhật báo để rồi thực hiện thành hai cuốn tiểu thuyết *Đò Dọc* (mà anh đã đoạt Giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật Toàn quốc vào năm 1960) và *Gieo Gió Gặt Báo*... Đây là lần đầu tiên các độc giả miền Nam được đọc một tác phẩm văn chương đúng nghĩa dưới hình thức quyển tiểu thuyết của một tác giả gốc Nam Kỳ. Vậy tiểu thuyết là gì, nếu không là phản ảnh đời sống của một nhóm nhân vật có những sợi dây liên hệ tình cảm trói buộc với nhau? Đời sống đó được tác giả nhìn ngắm, tư duy và phơi bày cho độc giả thưởng thức qua cái nhân sinh quan cá biệt của tác giả, qua cả niềm rung cảm của ông ta. Các tác giả như các bà Tú Hoa, Tùng Long, Lan Phương, các anh Ngọc Sơn, Thanh Thủy, Nguyễn Ngọc Mẫn, Dương Hà, Trọng Nguyên, Dương Trử La, Ngọc Linh, Sĩ Trung... đa số đều viết truyện tình cảm gay gắt, éo le với những nhân vật được mô tả sơ sài về mặt tâm lý. Trừ bà Tú Hoa, bà Lan Phương, các anh Thanh Thủy, Dương Trử La, Ngọc Linh, Sĩ Trung chịu khó sáng tác, còn các tác giả kia thường phóng tác tiểu thuyết và phim ảnh ngoại quốc. Bà Tùng Long

và anh Ngọc Sơn đa số phóng tác các loại truyện tiểu thuyết ba xu như *Nous Deux*, *Harlequin*. Anh Dương Hà phóng tác các danh phẩm của Emily Bronte, Margaret Mitchell, nhưng anh Dương Hà lại giản lược những đoạn tả cảnh, tả tình, tả nhân sinh quan. Anh Nguyễn Ngọc Mẫn phóng tác theo các cuốn phim Ý-đại-lợi thuộc loại thương mại nổi tiếng ăn khách trong hai thập niên 40, 50 với các tài tử Âu Châu hạng B vang danh như Marta Toren, Gianna Maria Canale, Eleonora Drossi Drago, Yvonne Sanson, Nadia Gray... (nữ), Amedéo Nazzari, Ettore Manni, Jacques Sernas, Pierre Croisoy... (nam). Anh Trọng Nguyên phóng tác các cuốn phim Tàu được hãng Việt Hoa Văn Hóa Hợp Tác Công Ty Điện Ảnh lồng tiếng hoặc các cuốn Tàu phim do hãng Mỹ Vân và hãng Mỹ Phương chuyển âm. Đó là các cuốn phim gây tên tuổi chói rọi của các tài tử Vương Nguyên Long, Vương Hào, Nghiêm Tuấn, Hoàng Hà, Bình Phạm, Trương Anh, Trương Dương, Lô Chấn, Triệu Lô, Tăng Giang... (nam), Lý Lệ Hoa, Bạch Quang, Lý Mi, Trần Văn Thường, Hồng Tuyền Nữ, Tố Thu, Lưu Kỳ, Lưu Luyện, Âu Dương Sa Phi, Bạch Dương, Hạ Mộng, Cát Lan, Trần Quyên, Trương Trọng Văn, Thạch Tuệ... (nữ). Độc giả không tìm được trong tác phẩm các nhà văn Trọng Nguyên, Nguyễn Ngọc Mẫn, Dương Hà, Ngọc Sơn và bà Tùng Long một cảnh sống linh động nào, một quan niệm sống nào mới mẻ, tươi rói. Do đó chúng trở thành những tác phẩm dành cho quần chúng giải trí để rồi họ quên lửng trong các cuộc mưu sinh phồn tạp.

Miền Nam vào thời chiến tranh Đông Dương có 3 nữ tiểu thuyết gia, nổi tiếng nhất là Bà Tú Hoa, Bà Tùng Long và Bà Lan Phương. Bà Tú Hoa trước đó, vào thời tiền chiến đã đoạt giải Tự Lực Văn Đoàn qua cuốn tiểu thuyết *Bóng Mơ*. Sau đó, bà viết thêm vài cuốn tiểu thuyết nữa cũng khá ăn khách, tuy nhiên không hiểu sao bắt đầu từ năm 1964, bà ngưng viết luôn. Rồi đó, vào thuở cuộc

chiến tranh Đông Dương bùng nổ, sự xuất hiện của Bà Tùng Long (gốc người Quảng Nam, nhưng sinh sống lâu năm trong Nam) qua các quyển *Lầu Tỉnh Mộng*, *Nhị Lan*, *Giang Sơn Nhà Chồng* gây náo nhiệt trong quần chúng thuộc giai cấp trung lưu Nam Kỳ hơn. Nhưng Bà Tùng Long vốn ưa văn dĩ tải đạo hơi nhiều, làm cô giáo dạy luân lý cho học trò độc giả ở bất kỳ tác phẩm nào nên thét rồi độc giả hơi nhàm. Đúng lúc đó tên tuổi Bà Lan Phương vụt sáng lên. Bà viết rất có ý thức, các nhân vật của bà rất người, có tánh tốt trà trộn tánh xấu. Đặc biệt nhất bà viết về tánh ghen tương ganh ghét của đàn bà thiên hình vạn trạng nên văn chương bà rất hấp dẫn. Còn Cô Hoàng thị Như Mai qua quyển *Hai Dòng Con*, Cô Thanh Tùng vốn là tác giả các quyển *Sống Trên Nhung Lụa* và *Một Tâm Hồn Trong Sự Lạnh*, Tô Hằng Nữ Sĩ với quyển *Ái Tình và Sắc Đẹp* đều không không phải là đào chính cống, mà là thú đào lộn hột, chu choa ơi, lộn tới hai hột, trời ạ. Cho nên trong một sớm một chiều họ chuồn êm ra khỏi làng văn trận bút. Cũng như các nhà văn Ngọc Sơn, Thanh Thủy, Dương Hà, Trọng Nguyên, hay nhóm nhà văn vào thuở Nam Bộ Kháng Chiến, ba nữ sĩ Tú Hoa, Tùng Long, Lan Phương viết văn bằng giọng văn Bắc Nam pha trộn, nhưng rất mềm dịu du dương với ngôn ngữ dân đô thị lúc viết nhật ký hay lúc viết thư tâm sự hay thư tình. Thế có nghĩa dù viết văn không có chêm những tiếng nhĩ, nhé, ư, ạ, eo ơi, thảo nào, thế à... nhưng ngôn ngữ được xử dụng rất trung tính (neutre), không phảng phất sương khói ngôn ngữ Bắc Kỳ, không vết điều khắc giọng văn Huế, không đậm đặc ngôn ngữ Nam Kỳ.

(Còn tiếp 1 kỳ)
HỒ TRƯỜNG AN
(Troyes – France)

Et tu Brutè?

Cả đến người còn phản ta ư, Brutus?:
Hai Thí Dụ Về Tài Hùng Biện
trong vở Bi-kịch Julius Ceasar
của **William Shakespeare**.

Phạm Trọng Lê

suu khảo và dịch
(Tiếp theo Cỏ Thơm 45)

Whose daggers have stabbed Ceasar: I do fear it.

4th PLEBEAIN

They were traitors: honourable men?

B-5.

4th PLEBEAIN

We'll hear the will. Read it, Mark Antony.

ALL

The will, the will. We will hear Ceasar's will.

ANTONY

Have patience, gentle friends. I must not read it.

It is not meet you know how Ceasar loved you.

You are not wood, you are not stones, but men:

And being men, hearing the will of Ceasar,

It will inflame you, it will make you mad.

'Tis good you know not that you are his heirs,

For if you should, O what would come of it?

4th PLEBEAIN

Read the will, we'll hear it, Antony.

You shall read us the will, Ceasar's will.

ANTONY

Will you be patient? Will you stay awhile?

I have o'ershot myself to tell you of it

I fear I wrong the honourable men

ALL

The will, the testament.

2nd PLEBEAIN

They were villains, murderers. The will, read the will.

ANTONY

You will compel me then to read the will?

Then make a ring about the corpse of Ceasar,

And let me show you him that made the will.

Shall I descend? And will you give me leave?

ALL

Come down.

2nd PLEBEAIN

Descend.

[Antony comes down from the pulpit.]

3rd PLEBEAIN

You shall have leave.

4th PLEBEAIN

A ring.

Stand around.

1st PLEBEAIN

Stand from the hearse, stand from the body.

2nd PLEBEAIN

Room for Antony, most noble Antony.

ANTONY

Nay, press not so upon me. Stand far off.

ALL

Stand back. Room, bear back.

Dịch phần B-5:

Người dân thứ 4:

Chúng tôi muốn nghe bản chúc thư. Hãy đọc bản di chúc đi, Mark Antony.

Tất cả đồng thanh:

Bản chúc thư! Chúng tôi muốn nghe bản chúc thư!

ANTONY

Xin đồng bào kiên nhẫn, các bạn hiền ơi. Tôi không dám đọc bản chúc thư.

Thật là không thích đáng nếu đồng bào biết Caesar yêu mến đồng bào chừng nào.

Đồng bào đâu có phải là gỗ đá.

Đồng bào là con người có tình cảm, nghe đọc bản chúc thư sẽ làm đồng bào tức giận.

Sẽ làm đồng bào nổi nóng.

Thà để đồng bào không biết mình là kẻ thừa kế của ngài thì tốt hơn.

Vì nếu biết vậy, thì ôi chao, hậu quả sẽ vô lường.

Người dân thứ 4:

Hãy đọc bản chúc thư! Chúng tôi sẽ nghe.

Antony phải đọc bản chúc thư, chúc thư của Caesar!

ANTONY

Xin đồng bào kiên nhẫn! Đồng bào chờ một lúc được không?

Tôi đã quá lời khi cho đồng bào biết có bản chúc thư.

Tôi e rằng tôi đã phạm lỗi với những vị đáng kính mà những lưỡi dao của họ đã đâm chết Caesar. Tôi e ngại lắm!

Người dân thứ 4:

Chúng là những kẻ phản bội! “Đáng kính” gì lũ ấy!

Tất cả đồng thanh:

Bản chúc thư! Bản di chúc!

Người dân thứ 2:

Chúng là bọn tội phạm, những kẻ sát nhân! Bản chúc thư! Hãy đọc bản chúc thư!

ANTONY

Vậy là đồng bào buộc tôi phải đọc bản di chúc?

Vậy hãy đứng quanh thi thể Caesar. Để tôi chỉ cho đồng bào người đã viết bản chúc thư. Đồng bào muốn tôi bước xuống chứ? Đồng bào cho phép tôi bước xuống chứ?

Tất cả đồng thanh:

Hãy bước xuống!

Người dân thứ 2:

Hãy bước xuống đi!

Người dân thứ 3:

Antony, ông được phép bước xuống.

[*Antony từ bực bước xuống.*]

Người dân thứ 4:

Hãy đứng vòng quanh! Hãy đứng thành vòng tròn!

Người dân thứ 1:

Lui ra, đứng xa áo quan! Hãy đứng xa thi thể!

Người dân thứ 2:

Dành chỗ cho Antony, Antony đáng quý!

ANTONY

Đừng, đừng chen tôi. Đứng xa một chút.

Tất cả đồng thanh:
Lui lại! Cho trống chũ! Lui ra sau!

B-6.

ANTONY

If you have tears, prepare to shed them now.
You all know this mantle. I remember
The first time ever Ceasar put it on;
'Twas on a summer's evening in his tent,
That day he overcame the Nervii.
Look, in this place ran Cassius' dagger through:
See what a rent the envious Casca made:
Through this the well-beloved Brutus stabb'd;
And as he pluck'd his cursèd steel away,
Mark how the blood of Ceasar follow'd it,
As rushing out of doors, to be resolv'd
If Brutus so unkindly knock'd or no;
For Brutus, as you know, was Ceasar's angel.
Judge, O you gods, how dearly Ceasar lov'd him.
This was the most unkindest cut of all;
For when the noble Ceasar saw him stab,
Ingratitude, more strong than traitor's arms,
Quite vanquish'd him: the burst his mighty heart;
And in his mantel muffling up his face,
Even at the base of Pompey's statue
Which all the while ran blood, great Ceasar fell.
O, what a fall was there, my countrymen!
Then I, and you, and all of us fell down,
Whilst bloody treason flourish'd over us.
O, now you weep, and I perceive you feel
The dint of pity: these are gracious drops.
Kind souls, what weep you when you but behold
Our Ceasar's vesture wounded? Look you here!
Here is himself, marr'd, as you see, with traitors.

1st PLEBEIAN

O piteous spectacle!

2nd PLEBEIAN

O noble Ceasar!

3rd PLEBEIAN

O woeful day!

4th PLEBEIAN

O traitors! villains!

1st PLEBEIAN

O most bloody sight!

3rd PLEBEIAN

We will be revenged.

ALL

Revenge! About! Seek! Burn! Fire! Kill! Slay!

ANTONY

Stay, countrymen.

1st PLEBEIAN

Peace there! Hear the noble Antony.

2nd PLEBEIAN

We'll hear him, we'll follow him, we'll die with him.

Dịch phần B-6:

ANTONY

Nếu có nước mắt, bây giờ đồng bào hãy khóc đi.
Đồng bào nhận ra chiếc áo choàng này chứ; tôi nhớ
Lần đầu Ceasar khoác áo này lên:
Đó là một buổi tối mùa hạ, trong lều của ngài,
Hôm đó ngài thắng bộ lạc Nervii trong cuộc
chiến vùng Gaul.
Hãy nhìn xem, chỗ này lưỡi dao của tên Cassius
đâm thấu:
Hãy xem vết rách lớn trên áo mà tên Casca hiểm
độc đã đâm:
Qua lỗ này, Brutus, người được Ceasar yêu như
con, đã đâm ông;
Và khi Brutus rút lưỡi thép ghê tởm ra,
Hãy nhìn kỹ xem chỗ đó máu chảy ào theo,
Máu dường như chảy ủa ra miệng vết đâm

Như muốn biết chắc tại sao Brutus đã bắt nạt
đâm bạn mình.

Vì Brutus, như đồng bào biết, là người Caesar
quí nhất.

Hãy phán xét, ôi, quỷ thần chứng giám cho,
Caesar thương yêu Brutus biết ngần nào!

Đây là vết đâm tàn nhẫn hơn cả.

Vì khi Caesar đáng quí thấy hấn đâm ông

Lòng vong ân của hấn--còn mạnh hơn cánh tay
tên phản bội này--,

Hoàn toàn chế ngự Caesar. Rồi trái tim cao
thượng của ngài vỡ ra;

Và, bằng chiếc áo choàng, ngài che mặt mình,

Ngay đây, dưới chân tượng Pompey,
(trong khi đó máu tuôn xối xả) Caesar vĩ đại ngã xuống.

Ôi, một cái ngã thật oai hùng, thừa đồng bào.

Rồi tôi, và đồng bào, tất cả chúng ta đều gục xuống,
Trong khi sự phản bội đâm máu vênh-váo cả
thẳng chúng ta.

Ôi, bây giờ đồng bào khóc, và tôi thấy đồng bào
thương xót.

Đây quả thật là những giọt nước mắt nhân hậu.

Hỡi bạn hiền, tại sao các bạn khóc khi chỉ mới thấy
Cái áo choàng của Caesar của chúng ta bị đâm?
Hãy nhìn đây.

Đây, thi thể ngài đây, bị đâm như bởi những tên
phản bội.

[*Antony vừa nói vừa lật áo choàng để lộ thi thể
Caesar với 23 nhát đâm.*]

Người dân thứ nhất:

Trời đất ơi, thật là một cảnh thương tâm!

Người dân thứ hai:

Ôi, Caesar đáng quí!

Người dân thứ ba:

Ôi, một ngày buồn thảm!

Người dân thứ 4:

Ôi, bọn bội phản, bọn gian ác!

Người dân thứ nhất:

Một cảnh máu me chan hòa chưa từng thấy!

Người dân thứ 2:

Chúng ta phải trả thù!

Tất cả:

Trả thù ! Chúng ta hãy đi đi. Tìm cho ra bọn chúng.

Đốt! Giết! Đừng cho tên bội phản nào sống!

ANTONY

Xin đồng bào nán lại.

Người dân thứ nhất:

Yên lặng. Hãy nghe Antony đáng quí!

Người dân thứ hai:

Chúng ta sẽ nghe ông nói, chúng ta sẽ theo ông,
chúng ta sẽ chết cùng ông!

B-7.

ANTONY

Good friends, sweet friends, let me not stir you up

To a sudden flood of mutiny:

They that have done this deed are honourable.

What private griefs they have, alas, I know not,

That made them do it. They are wise and
honourable,

And will no doubt with reasons answer you.

I come not, friends, to steal way your hearts.

I am no orator, as Brutus is,

But, as you know me all, a plain blunt man,

That love my friend; and that they know full well

That gave me public leave to speak of him.

For I have neither wit, nor words, nor worth,

Action, nor utterance, nor the power of speech

To stir men's blood: I only speak right on.

I tell you that which you yourselves do know,

Show you sweet Caesar's wounds, poor, poor
dumb mouths,

And bid them speak for me. But were I Brutus,

And Brutus Antony, there were an Antony

Would ruffle up your spirits, and put a tongue

In every wound of Ceasar that should move
The stones of Rome to rise and mutiny.

ALL
We'll mutiny.

1st PLEBEIAN
We'll burn the house of Brutus.

3rd PLEBEIAN
Away then! Come, seek the conspirators.

ANTONY
Yet hear me, countrymen. Ye hear me speak.

ALL
Peace, ho! Hear Antony, most noble Antony.

ANTONY
Why, friends, you go to do you know not what
Wherein hath Ceasar thus deserv'd your loves?
Alas! You know not! I must tell you then.
You have forgot the will I told you of.

ALL
Most true. The will, let's stay and hear the will.

ANTONY
Here is the will, and under Ceasar's seal.
To every Roman citizen he gives
To every several man, seventy-five drachmas.

2nd PLEBEIAN
Most noble Ceasar! We'll revenge his death.

3rd PLEBEIAN
O royal Ceasar!

ANTONY
Hear me with patience.

ALL
Peace, ho!

ANTONY
Moreover, he hath left you all his walks,
His private arbours, and new-planted orchards,
On this side Tiber; he hath left them you,
And to your heirs for ever: common pleasures,
To walk abroad and recreate yourselves.
Here was a Ceasar! When comes such another?

1st PLEBEIAN
Never, never! Come, away, away!
We'll burn his body in the holy place,
And with the brands fire the traitors' houses.
Take up the body.

2nd PLEBEIAN
Go fetch fire.

3rd PLEBEIAN
Pluck down benches.

4th PLEBEIAN
Pluck down forms, windows, anything.
[*Exeunt Plebeians with the body.*]

ANTONY
Now let it work. Mischief, thou art afoot,
Take thou what course thou wilt! [Enter a
Servant] How now, fellow?

Dịch phần B-7:

ANTONY
Bạn tốt, bạn yêu quý, xin đừng để tôi xúi dục
đồng bào nổi loạn. Những kẻ có hành động này
có những điều oan ức riêng khiến họ phải giết
Ceasar như vậy, tôi không rõ. Họ là những người
khôn ngoan đáng kính, và chắc chắn họ sẽ có
cách trả lời hợp lý với đồng bào. Tôi tới đây, hỏi
các bạn thân, không phải để làm mũi lòng quý vị.
Tôi không có tài hùng biện như Brutus. Nhưng
(như tất cả quý vị biết rõ) tôi chỉ là người ăn nói
thuần phác, cục mịch, yêu quý bạn mình. Và
những người chính thức cho phép tôi nói về

Ceasar biết rõ. Vì tôi chẳng có óc thông minh, hay biết cách ăn nói lưu loát, hay quyền hành, hay cử chỉ, hay biết trình bày hùng hồn, cũng chẳng biết sách động làm sôi máu người khác. Tôi chỉ biết nói thật, nói thẳng. Tôi chỉ kể cho quý vị nghe điều quý vị đã biết rõ. Tôi chỉ cho quý vị xem những vết thương trên thi thể Ceasar đáng yêu--ôi những vết đâm, những cái miệng đáng thương câm nín--và xin chúng nói lên hộ tôi. Nhưng ví thử như tôi là Brutus, và Brutus là Antony thì đã có một Antony khích động cho tâm trí đồng bào phần nộ và ban cho mỗi vết thương của Ceasar một ngọn lưỡi để lay chuyển những viên đá thành Rome khiến chúng phải trở dậy nổi loạn.

Tất cả đồng thanh :
Chúng tôi sẽ nổi loạn !

Người dân thứ nhất :
Chúng tôi sẽ đốt nhà Brutus

Người dân thứ ba :
Vậy thì ta hãy đi đi ! Hãy tìm cho ra bọn phản tặc.

ANTONY
Nhưng hãy nghe tôi nói đã. Đồng bào ! Nhưng hãy nghe tôi nói hết !

Tất cả đồng thanh :
Hãy yên lặng! Hãy nghe Antony, Antony đáng quý!

ANTONY
Tại sao, bạn thân ơi, các bạn lại đi làm chuyện mình không biết hậu quả ra sao! Tại sao Ceasar lại đáng được đồng bào thương như vậy? Than ôi, đồng bào không biết. Tôi phải cho đồng bào hay. Đồng bào quên hẳn bản chúc thư tôi kẻ cho đồng bào biết!

Tất cả đồng thanh:
Đúng lắm, bản chúc thư! Chúng ta hãy nán lại nghe bản chúc thư!

ANTONY [*Lấy bản chúc thư trong tay áo ra.*]
Đây là bản chúc thư, có triện son riêng của Ceasar! [*Rồi đọc.*] Cho mỗi công dân La mã, mỗi người, ngài ban cho bảy mươi lăm đồng bạc.

Người dân thứ 2:
Ceasar rất đáng quý! Chúng ta sẽ báo thù cho cái chết của người!

Người dân thứ 3:
Ôi, Ceasar cao quý quảng đại!

ANTONY
Xin kiên nhẫn nghe tôi.
Tất cả:
Hãy yên lặng!

ANTONY
Ngoài ra, ngài đã để lại cho đồng bào tất cả những con đường ngài đi dạo, những chỗ ngồi mát dưới giàn cây leo của ngài, những vườn cây mới trồng của ngài bên bờ sông Tiber này. Ngài đã để lại cho tất cả đồng bào và con cháu mình--bây giờ và mãi mãi--những công viên để đồng bào đi dạo và thưởng ngoạn. Đó là một hình ảnh của con người Ceasar! Bao giờ chúng ta lại thấy một người như vậy nữa?

Người dân thứ nhất:
Không bao giờ! Chẳng bao giờ! Chúng ta cùng đi đi. Chúng ta sẽ hỏa thiêu thi thể ngài ở đất thiêng rồi lấy đuốc đốt nhà bọn phản tặc. Hãy nâng thi thể ngài lên.

Người dân thứ 2:
Đi lấy đuốc đi.
Người dân thứ ba:
Xếp đồng những ghế dài.
Người dân thứ 4:
Xếp đồng những ghế ngồi, cửa chớp, mọi vật!
[*Đám đông tản đi, mang theo thi-thể Ceasar.*]

ANTONY

Giờ đây hãy để mọi chuyện tiến hành theo chiều hướng của nó. Mâm nội loạn đang âm-ĩ. Việc gì xảy ra cứ để cho xảy ra. [*Nói với người hầu.*] Người muốn báo cho ta biết điều gì?

[*Tên hầu cận báo cho Antony biết cháu của Ceasar là Octavius đang chờ ông ở tư dinh của Ceasar, và bọn Brutus và Cassius đã trốn khỏi thành Rome.*]

IV. PHẦN CHÚ THÍCH

-Chữ Et tu, Brutè là tiếng Latin, Shakespeare dùng nguyên văn gốc Latin để cực tả lời cuối cùng của Ceasar trước khi chết. Bây giờ câu này thường dùng để chỉ một sự phản bội.

-Trong hồi II, cảnh ii có nhiều chữ dùng ở thời Shakespeare, nghĩa khác bây giờ. Khi Brutus nói, “Romans, countrymen, and lovers,” thì “lovers” nghĩa là “bạn” (friends). Chữ “censure” nghĩa là “phán xét” (judge), như trong lời của Brutus, “Censure me in your wisdom” (Hãy phán xét tôi bằng trí thông minh của quý vị.) Bây giờ chữ “censure” có nghĩa là “khiến trách, đàn hặc.”

-Trong nhóm chữ “awake your senses” chữ “senses” có nghĩa như “intellectual power” (óc suy xét). Brutus kêu gọi quần chúng hãy sáng suốt, hãy “tỉnh trí” vì ông nhấn mạnh đến lý trí, và đó là khuyết điểm của ông, vì sau đó đám đông đã bị Antony lôi cuốn vì tình cảm.

-Enrolled: Dòng 37-38: “The question of his death in enrolled in the Capitol” “Việc xét phải giết Ceasar đã có bản và ghi lại trong nhật ký của nghị-viện.” Bây giờ quốc hội Mỹ cũng gọi là Capitol vì bắt chước hình thức nghị-viện thời La-Mã. Bây giờ chữ “enrolled” (cuốn lại) vẫn còn dùng, vì một dự luật được thông qua ở thời La-Mã, được chép lại vào một tờ giấy dày hay vào da thú (parchment) rồi “cuốn lại.” Ngày nay, chữ “enrolled” dùng trong nghị trường trong chữ “enrolled version” chỉ một bản dự luật đã được hai viện chuẩn y, chỉ còn chờ chữ ký của thống đốc tiểu bang hay tổng thống liên bang trước khi

thành luật. Nhưng trong thời Ceasar, chỉ có một viện dân biểu là Senate mà thôi. Cũng nên biết thêm 49 trong số 50 tiểu bang của Mỹ, tiểu bang nào cũng có hai viện là thượng và hạ viện, gọi là bicameral, lưỡng viện, như quốc hội liên bang, ngoại trừ tiểu bang Nebraska chỉ có một viện mà thôi, gọi là unicameral legislature.

-Dòng 43: “extenuated”= làm giảm. Theo truyện của Plutarch, sau khi giết Ceasar rồi, nghị viện (lúc đó gọi là Senate) quyết định vẫn giữ nguyên các luật lệ của Ceasar và trong đám tang ông, tôn vinh ông như một vị thần (god). Enforc’d=phóng đại. Dòng 98: sterner stuff=vật liệu cứng rắn hơn. “Ambition should be made of sterner stuff”=người có tham vọng phải là người lòng chai đá hơn.

-O Judgement, thou art fled to brutish beast.= Ôi lý trí, người đã chạy theo bọn súc sinh rồi. Câu này Antony gián tiếp trách quần chúng không nhận thấy tội giết Ceasar của Brutus, nhưng cũng là một cách chơi chữ vì chữ “brutish” (tinh tữ, nghĩa là hung bạo) lại đặt gần với tên của Brutus, như vậy là gián tiếp nói Brutus hung bạo.

-Dòng 175: The Nervii: một bộ lạc Bỉ ở xứ Gaul mà Ceasar đánh bại năm 57 trước thiên chúa. Trong trận đó Ceasar đã tỏ ra can trường, và Antony muốn gọi lại để gián tiếp nhắc cho công chúng nhớ đến công trạng của Ceasar.

- Dòng 184: Khi Antony chỉ vào lỗ dao đâm của Brutus và nói câu: “This is the most unkindest cut of all” thì chữ “unkindest” có nghĩa là “most cruel” (“tàn bạo nhất”). Văn phạm thời Shakespeare cho phép dùng double superlative (Thế tỷ giáo kép) (“most” và “unkindest”).

-Dòng 221: public leave: được phép nói trước công chúng. (Leave=cho phép)

- Irony: Dòng 214: I am no orator, as Brutus is. Tôi không phải nhà hùng biện như Brutus. Đây là một thí dụ về thuật nói bóng gió, mỉa mai (irony). Antony, dĩ nhiên, nói đúng. Ông ta không phải là

nhà hùng biện kiểu Brutus (dùng lý trí) mà ông có tài hùng biện, biết dùng những hình ảnh gợi lòng cảm động, thương xót nơi quần chúng, và cuối cùng, chiếm được lòng người nghe.

- Dòng 222: Thí dụ khác về irony. Khi Antony nói:

For I have neither wit, nor words, nor worth,
Action, nor utterance, nor the power of speech
To stir men's blood.

(wit=sự hiểu biết, óc thông minh; worth=tư thế, uy quyền; action=cử chỉ, dáng điệu; utterance=lời diễn đạt hùng hồn). Vì tôi không có óc thông minh, hay lời nói lưu loát, hay uy quyền, hay cử chỉ, hay cách diễn đạt hùng hồn, hay ngôn lực để làm sôi máu người nghe. Antony nói mình không có tài hùng biện, nhưng quả thật ông có tài hùng biện. Nhận xét thêm: Ba chữ “wit,” “words,” và “worth” bắt đầu bằng “w” là một thí dụ về alliteration, phép lặp lại âm đầu. Tương tự, trong câu trên, chữ “neither” và ba lần chữ “nor” với âm /n/ lặp lại, làm tăng nghĩa phủ định cho câu nói của Antony. Ba câu trên cũng là một thí dụ về irony, phép nói bóng. Nhưng thí dụ rõ nhất về irony là trong phần B-2 có câu Antony lặp lại nhiều lần: **For Brutus is an honourable man**. Mục đích là dần dần chứng minh cho người dân đứng nghe rằng Brutus là kẻ phản bội đáng khinh, chứ không đáng kính. Đó là khi Antony cần thuyết phục người dân. Nhưng sau khi thắng Brutus rồi, Antony cũng nhận rằng Brutus là đáng kính: “This was the noblest Roman of them all.”

-So sánh lời nói của Brutus và Antony: Brutus gợi lý trí người nghe (phải giết Caesar vì tương lai thành Rome, vì Caesar có tham vọng làm vua). Ngược lại, Antony, biết khêu gợi tình cảm của người dân: Caesar có tham vọng thật không? nếu có tham vọng, sao lại để lại tiền và tài sản cho dân thành Rome?

=>Đoạn trên cho thấy: (1) Nếu đứng trước một cử tọa trí thức, diễn giả dùng kiểu Brutus, gợi lý trí, óc suy luận của người nghe. Nhưng (2) nếu

trước một quần chúng thiếu hiểu biết (mob=đám đông vô tổ chức), thì cách nói của Antony thành công hơn. Brutus trừu tượng bao nhiêu thì Antony dùng thí dụ điển hình cụ thể bấy nhiêu (như chỉ cho dân thấy vết đâm trên người Ceasar). Cũng nhận xét là khi Antony bắt đầu lên nói, ông biết quần chúng vừa bị Brutus thuyết phục, nên ông dùng lời lẽ ôn hòa: I come to bury Ceasar, not to praise him. Cũng đề ý đến cách Antony dùng chữ tuần tự: Friends (1 syllable), Romans (2 syllables), countrymen (3 syllables), lend me your ears (4 words), như nhận xét của gs. Daniell, chú dẫn bên dưới. Trong khi Brutus bắt đầu nói bằng chữ Romans (dân thành La-Mã) để gợi lòng tự hào của người dân thành Rome thì Antony bắt đầu nói bằng chữ “Friends” để chiêu dụ tình cảm của người dân đang đứng nghe.

-Quần chúng dễ bị lung lạc: Hãy so sánh lời bàn của những người dân sau khi nghe Brutus và sau khi nghe Antony thì thấy quần chúng dễ bị lung lạc. Sau khi nghe Brutus nói, trong quần chúng, có kẻ muốn tôn vinh ông làm Ceasar thứ hai, nhưng sau khi nghe Antony nói, thì cũng đám đông đó hèn nhau lấy thuốc đốt nhà Brutus. Dòng 237, sau khi nghe Antony, người dân gọi Ceasar là “O royal Ceasar” (Ôi Ceasar quảng đại). Trước đó một lúc, dòng 70, sau khi nghe Brutus, người dân nói “This Ceasar was a tyrant,” Ceasar này thật là một bạo chúa.

-Nghệ thuật của Shakespeare: Trong hai đoạn văn trên, ta thấy văn tài của Shakespeare. Ta thấy cách nói bóng, mỉa mai (irony) trong lời của Antony, lúc nào cũng nói về Brutus, đám người đã giết Ceasar, là người “đáng kính, đáng trọng,” (“honourable men”), trong khi gián tiếp cho thấy hành động ám sát Ceasar của họ là tàn bạo.

-Những câu đáng nhớ trong vở kịch The Tragedy of Julius Ceasar:

-Beware of the Ides of March: Coi chừng ngày 15 tháng ba. (Lời ông thầy bói báo cho Ceasar, Hồi I, cảnh ii, câu 18).

-Men at some time are masters of their fates./
The fault, dear Brutus, is not in our stars,/But in
ourselves, that we are underlings. (Lời Cassius,
hồi I, cảnh ii, câu 139-141) Con người ta, có lúc,
là chủ số phận mình. Cái lỗi, bạn thân Brutus,
không phải vì sao chiếu mệnh mình, mà tại chính
chúng ta, chúng ta là kẻ thuộc hạ.

-Let me have men around me that are fat./
Sleek-headed men, and such as sleep
o' nights./Yond Cassius has a lean and hungry
look./ He thinks too much. Such men are
dangerous. (Lời Caesar nói khi nhìn thấy Cassius
đang xa, Hồi I, cảnh ii, câu 192-195). Ta muốn
có quanh ta những người mập mạp, những kẻ đầu
chài bóng, đêm ngủ kỹ. Tên Cassius đang kia có
cái nhìn hốc hác, hau háu. Hắn suy nghĩ nhiều.
Người như vậy hiểm độc.

-I rather tell thee what is to be feared/Than
what I fear, for always I am Caesar. (Lời Caesar
nói với Antony, hồi I, cảnh ii, câu 211-212). Ta
muốn cho người biết điều gì người ta sợ. Hơn là
điều gì ta sợ, vì ta là Caesar không bao giờ sợ.

-Cowards die many times before their
deaths/The valiant never taste of death but once.
(Lời Caesar, hồi II, cảnh ii, câu 32-33). Kẻ hèn
nhát chết nhát nhiều lần trước khi chết
thực/Người can trường chỉ nếm mùi cái chết một
lần thôi.

-Not that I love Caesar less, but I love Rome
more. (Lời Brutus, Hồi III, cảnh ii, câu 21-22).
Chẳng phải tôi giảm lòng yêu kính Caesar,
nhưng tôi yêu Rome hơn.

-As he was valiant, I honor him; but, as he
was ambitious, I slew him (Lời Brutus, Hồi III,
cảnh ii, câu 25-27). Khi Caesar dũng cảm, tôi tôn
vinh ngài; nhưng khi ngài tham vọng, tôi phải
giết ngài.

-Friends, Romans, countrymen, lend me your
ears./ I come to bury Caesar, not to praise him.
(Lời Antony, Hồi III, cảnh ii, câu 75-76). Các
bạn, dân thành Rome, đồng bào, hãy lắng nghe
tôi. Tôi đến đây để chôn Caesar, chứ không phải
để ca tụng ngài.

-The evil that men do lives after them; the
good is oft interrèd with their bones. (Lời
Antony, Hồi III, cảnh ii, câu 77-78). Tiếng xấu,
dầu chết rồi, người đời nhớ mãi; danh thơm, vùi
nằm xuống, thiên hạ quên ngay.

-I tell you that which yourselves do know./
Show you sweet Caesar's wounds, poor poor
dumb mouths./ And bid then speak for me. (Lời
Antony, Hồi III, cảnh ii, câu 225-227). Tôi kể
cho đồng bào nghe điều đồng bào biết rõ, Chỉ
cho đồng bào xem những vết đâm trên thi thể
Caesar đáng yêu, Ôi những vết đâm, những cái
miệng đáng thương câm nín. Và xin chúng nói
lên nỗi căm phẫn hộ tôi.

-There is a tide in the affairs of men/Which
taken at the flood, leads on to fortune;/ Omitted,
all the voyage of their life/Is bound in shallows
and in miseries. (Lời Brutus nói với Cassius lúc
sắp đánh nhau với liên quân của Antony và
Octavius, Hồi IV, cảnh iii, câu 217-220). Việc
đời như thủy triều. Phải giông buồm khi ngọn
triều dâng. Nếu biết nắm lấy, sẽ đưa đến may
mắn. Bỏ lỡ thì hành trình đời ta sẽ chìm trong
lòng sông cạn và sự khốn cùng. [Việc đời như
ngọn triều dâng; Giông buồm thẳng tới kẻo
không kịp thời. Dịp may còn ở nơi người; Tuột
tay bỏ lỡ, cuộc đời khổ đau.]

V. Sách Tham Khảo Để Kiểm:

Những ấn bản dễ kiếm có chú thích dành cho
sinh viên—mà chúng tôi đã dựa vào để viết bài này:

-Shakespeare, William. JULIUS CEASAR,
edited by David Bevington. New York: Bantam
Books, 1998. \$3.85.

-Shakespeare, William. JULIUS CEASAR,
edited by David Daniell. London: Thomson
Learning, 1988. \$13.99.

(Viết xong tại Virginia 5/4/1997; sửa lại 12/19/07)

PHẠM TRỌNG LÊ

(Virginia)

MAI VÀNG ƠI!

Anh kết cành mai giả, cho em nguôi nhớ nhà
Em vẫn buồn xứ lạ, như nhớ về một cõi xuân xa.

Anh nằm mơ thấy cô gái hái hoa
Nên trồng trước nhà cây mai chín cánh
Tưới nước, bón phân, tỉa cành, uốn nhánh
Đêm lại nằm mơ lấp lánh cánh mai vàng.

Mai nở tung bùng mỗi độ xuân sang
Anh khai bút dưới hoa, hoa tỏa hương trong gió
Bè bạn vui đùa đầy vườn chạt ngõ
Đâu ngờ ngày mai sóng gió ly tan.

Mười lăm năm anh biệt xứ, gian nan
Cây mai buồn 15 năm không trở
Qua cuộc chiến cỏ cây còn hoảng sợ
Cuộc tang thương khốn khổ nhất trên đời

Anh tả tôi khi trở lại làng xưa
Bạn bè cũ còn mấy thằng trở mặt
Nhà cửa tan tành, cành mai xơ xác
Hiếu lòng nhau lá cũng hóa môi cười.

Cầm cúc cầm cây dâu có ngày vui
Không khai bút nhưng hoa mai cứ nở
Cắt một nhánh mai ra ngồi giữa chợ
Chiều ba mươi – mây đỏ kín chân trời.

Mai vàng ơ! Mai vàng ơ!
Ta lạc giữa chợ đời thời mạt kiếp
Thiếu áo thiếu cơm ai cần hoa đẹp
Chắc thần tiên cũng chẳng thiết – anh buồn.

Đêm mù cay, tàn thuốc sém chân giường
Nghĩ nát óc – thấy toi công sách vở
Đến quẩn trí thì Quê Hương cũng bỏ
Hương là cây mai – nước mắt tình ly.

Lại nghe màu hoa réo gọi – anh về
Tìm đến gốc mai giữa vườn lá mục
Người ta đã đón mai làm củi đốt
Chín tầng mây còn đọng khói mù cay.

Cô gái hái hoa! Em đã đến nơi này
Trong cốt cách thần tiên giữa thời tao loạn
Đã để lại trong anh hương mai thoang thoảng
Màu thiên kim rực sáng chín phương trời
Mai vàng ơ! Mai vàng ơ!

Lam Điền NGUYỄN THỬ

North Carolina

NỢ

Nợ đời nặng trĩu trần gian
Nợ tình giăng bẫy quẩn ngang nợ đời
Nợ đời chơi với chơi với
Nợ tình ngắt nghèo khóc cười nợ nhau
Nợ đời trước, nợ đời sau
Nợ em tóc rối, nợ nhàu áo anh
"Nợ trả dần, cháo húp quanh"

PHAN KHÂM

(Maryland)

VỀ THĂM YÊN TỬ

Hà Nguyễn

Thái Tử khi ở tuổi trưởng thành thì dung mạo rất khôi ngô tuấn tú, phong cách thanh tao, tính tình nhân hậu, bình dị, không xa hoa kiêu cách, hòa nhã với tất cả mọi người. Tướng mạo của Thái tử khôi vĩ khác thường, vừa có cái oai vệ của một võ tướng, vừa có vẻ thanh nhã nhẹ nhàng của một nho sinh và vừa mang nét tươi sáng, thoát tục của một tiên đồng. Thái Tử Trần Khâm là người thanh niên đẹp trai nhất trong tất cả các thanh niên nhà Trần và là vị vua đẹp nhất trong các vua nhà Trần. (Sau này khi Sử Giả Mông Cổ là Sài Thung sang nước ta, đã phải ngạc nhiên đến sững sờ khi nhìn thấy dung mạo của Thái Tử, lúc ấy Ngài vừa mới đăng quang làm vua, vì người Trung Quốc luôn cho rằng người Việt là giống man di, có dung mạo tầm thường, xấu xí.)

Vua Trần Thánh Tông coi Thái Tử Trần Khâm như viên ngọc quý, hết sức cưng chiều. Thái Tử không vì lòng yêu của vua cha mà sinh tính kiêu căng. Ngài lúc nào cũng hòa thuận với các anh chị em ruột, thương yêu các anh chị em chú bác, nhân từ độ lượng với người dưới, lại thờ Vua và Hoàng Hậu rất hiếu thảo. Khi nhìn thấy thấy hình vóc con tiểu tụy vì trường chay khổ hạnh mà vẫn phải học tập kiểm cung hàng ngày và trao dồi đèn sách ban đêm chăm chỉ, vua cha rất âu lo và gạn hỏi nguyên do. Thái Tử liền thuật lại giấc mơ thành Phật của mình và xin cha hãy để ngôi Thái Tử lại cho em mình là Hoàng Tử Đức Việt, nhưng vua Trần Thánh Tông không bằng lòng. Ngài nói với Thái Tử:

“Làm trai phải có chí lớn như chim Hồng chim Học, mang vai ra gánh vác sơn hà. Con là người có đức có tài, phải xem đất nước giang sơn là trọng, đừng nên bắt chước Thái Tử Tất Đạt Đa, bỏ cả đất nước thần dân để lên non xanh cát tóc đi tu cầu thành Phật. Tuổi cha nay đã già. Trách nhiệm chăm lo cho sơn hà xã tắc, giang sơn và thần dân Đại Việt cha

muốn đặt hết vào đôi vai của con, con đừng từ chối làm cha thất vọng.”

Vua Trần Thánh Tông nói xong thì chảy nước mắt. Là người con chí hiếu, Thái Tử không muốn làm buồn lòng cha, cho nên long trọng hứa với cha sẽ bỏ ý định đi tu để đứng ra gánh vác sơn hà xã tắc. Vua Thánh Tông bèn rước trưởng nữ của Hưng Đạo Vương Trần

Quốc Tuấn về Đông Cung, lập làm Thái Tử Phi, xếp đặt cho Thái Tử Trần Khâm yên bề gia thất.

Năm 1277, Thượng Hoàng Trần Thái Tông (Trần Cảnh) mất. Năm 1278, vua Trần Thánh Tông nhường ngôi cho Thái Tử Trần Khâm rồi xưng là Thái Thượng Hoàng. Thái Tử Trần Khâm làm lễ đăng quang trở thành Trần Nhân Tông Hoàng Đế, chấm dứt thời niên thiếu của một vị Hoàng Thái Tử không bao giờ động tâm đến ngai vàng, quyền lực và giàu sang phú quý.

Vua Trần Nhân Tông lên ngôi hết lòng chăm lo việc nước. Ngài luôn lấy ĐỨC để trị dân, lại là một ông vua sáng suốt, có kiến thức siêu việt. Thời đại vua Trần Nhân Tông trị vì là một thời đại có nhiều biến động nhất của đất nước. Trong khoảng thời gian 30 năm từ 1258 đến 1288 đất nước Đại Việt đã trải qua 3 cuộc xâm lăng của Đế quốc Mông Cổ. Ông nội của vua Trần Nhân Tông tức vua Trần Thái Tông đã anh hùng đánh bại quân Mông Cổ lần thứ nhất vào năm 1258 với sự phò tá đắc lực của tướng quân Lê Phụ Trần, là một dũng tướng văn võ song toàn. Tướng quân Lê Phụ Trần là hậu duệ (con cháu đời sau) của vua Lê Đại Hành (Lê Hoàn). Nhà vua là người đã phá tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm xưa, lập nên nhà Tiền Lê, dựng nền độc lập tự chủ cho dân tộc Việt. Tướng quân Lê Phụ Trần sau này là Thầy học của vua Trần Nhân Tông. Tướng Quân đã đem đã đem hết tâm huyết ra truyền thụ cho người học trò của mình tất cả những kiến thức về binh pháp, chính trị, văn học... Tướng Quân cũng đã chia sẻ những kiến thức cần thiết thu lượm được khi Ngài trải thờ qua 2 đời vua để giúp vua

Trần Nhân Tông ngày sau có thể trị nước, giữ nước, an dân, làm rực rỡ cho non sông Đại Việt.

Vua Trần Nhân Tông lên ngôi chưa được bao lâu thì quân Mông Cổ đánh chiếm nhà Tống. Nước Tống bị diệt vong, cả nước Trung Hoa bị quân Mông Cổ xâm chiếm và đô hộ, lập ra nhà Nguyên. Thực lực của quân Nguyên Mông lúc này đã trở thành hùng mạnh gấp trăm lần so với đoàn quân Mông Cổ sang xâm lăng nước ta lần thứ nhất dưới thời vua Trần Thái Tông vào năm 1258.

Vua nhà Nguyên là Hốt Tất Liệt sai Sứ Giả là Sài Thung sang sinh sự, trách móc vua Trần Nhân Tông lên ngôi mà không xin mệnh lệnh của Hoàng Đế nhà Nguyên rồi bắt buộc vua Trần Nhân Tông phải sang Tàu để nạp lễ Cầu Phong (xin phép được làm vua). Vua Trần Nhân Tông cho vời Sứ Giả đến và nói rằng:

“Tiên Quân (chỉ ông Nội mình là Trần Thái Tông) vừa mới rời bỏ cuộc đời, Quả Nhân lại vừa lên ngôi mà Thiên Sứ đến đem chiếu thư mở lời dò dẫm khiến cho Quả nhân vừa vui, vừa sợ trong lòng. Kính nhờ Thiên Sứ chuyển lời đến Nguyên Đế rằng Quả Nhân xưa nay vốn sinh trưởng ở trong cung, chưa từng tập cưỡi ngựa, lại không quen thủy thổ của quý quốc, sợ chết dọc đường nên không thể nào sang yển kiến Nguyên Đế được. Riêng ý tốt của Thiên Tử nhà Nguyên muốn được nhìn tận mắt dung mạo của Quả Nhân qua lễ Tự Thân, Quả Nhân xin suốt đời ghi lòng tạc dạ.” (Phỏng theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư).

Từ đó Nguyên Đế Hốt Tất Liệt đối xử với nước ta rất là bạo ngược. Hấn đòi triều đình nhà Trần phải tìm cho ra cột đồng Mã Viện vốn đã được dựng sau khi Mã Viện đánh bại Hai Bà Trưng từ hơn một ngàn năm trước, đòi nước ta phải dâng cống thợ giỏi, người tài, và lại hèn hạ cho người đến đào xới lăng miếu của các vua Trần... Cả nước ta từ Vua cho đến dân đã cắn răng chịu nhục trước cơn quốc nạn. Nhưng điều éo le là Vua nhà Nguyên vẫn tiếp tục gây hấn và cũng không cho phép dân tộc Việt được tiếp tục cắn răng chịu nhục. Hốt Tất Liệt đã hạ tối hậu thư muốn mượn đường nước ta để sang đánh Chiêm Thành và nước ta có trách nhiệm phải cung cấp lương thực cho quân

Mông Cổ trong suốt thời gian họ chinh phạt Chiêm Thành. Nếu vua Trần Nhân Tông không chấp thuận điều kiện trên thì con trai của Hốt Tất Liệt là Trần Nam Vương, Thoát Hoan sẽ mang quân sang đánh Đại Việt, nhất định phá tan bờ cõi, san bằng cả non sông Việt thành bình địa.

Trong hoàn cảnh bi đát đến tột cùng của một dân tộc nhược tiểu trước hiểm họa xâm lăng, vua Trần Nhân Tông đã chứng tỏ được năng lực của một nhà lãnh đạo có đầy đủ các đức tính ĐẠİ TRÍ, ĐẠİ NHÂN, ĐẠİ DŨNG.

Tháng 10 năm 1282, Nhà vua cho triệu tập Hội Nghị Bình Than để bàn bạc với các vị tướng quân và các quan đại thần về kế sách chống giặc giữ nước. Các quan đại thần và các Vương Hầu kẻ thì đề nghị nên cho quân Mông Cổ mượn đường để tránh nạn đao binh, người thì đề nghị nên mang lễ vật hậu hi sang triều cống để thi hành kế hoãn binh. Duy chỉ có Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư là quyết tâm nhận trọng trách đi phòng giữ các nơi hiểm yếu, không cho quân Mông Cổ mang quân sang nước Nam. Hai ông đã khẳng khái tâu rằng nếu vua Nhân Tông có ý muốn đầu hàng quân Nguyên thì xin hãy chém đầu hai ông trước đã rồi hãy đi hàng giặc, hai ông xin lấy cái chết để đền nợ núi sông. Và nếu đảng nào cũng chết thì xin vua cho hai ông được cơ hội thử sức cùng quân giặc, cùng chết chung với giặc. Vua Trần Nhân Tông cảm động chấp nhận lời xin ấy, phong cho Hưng Đạo Đại Vương làm Quốc Công Tiết Chế thống lĩnh toàn quân, phong cho Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư làm Phó Đô Tướng quân, phụ trách thủy quân, ra trấn giữ bến Vân Đồn (Thuộc Vân Hải, Quảng Yên ngày nay).

Tuy lòng đã quyết phải chống giặc và rất tin tưởng vào tài thao lược cùng lòng dũng cảm hết lòng tận trung báo quốc của 2 vị đại tướng quân, nhưng vua Trần Nhân Tông vẫn còn do dự. Nhà vua do dự bởi vì so thế lực của mình với thực lực của giặc chẳng khác nào mang trứng chọi với đá. Ngay sau khi kết thúc Hội Nghị Bình Than, nhà vua đã truyền đến quốc dân bài hịch với những lời lẽ hùng hồn nhưng thống thiết: “ Toàn dân nghe chắng, son hà nguy biến, hận thù đặng đặng, biên thủy rung

chuyển. Toàn dân Tiên Long, sơn hà nguy biến, hận thù đặng đặng, nên hòa hay chiến ?”

Nhà vua muốn dò ý dân, và cho triệu tập tất cả các bô lão tuổi từ 50 trở lên phải về kinh đô để dự HỘI NGHỊ DIÊN HỒNG vào tháng 12 năm 1284. Vua nói rõ ý định của mình là muốn trưng cầu ý kiến toàn dân, bởi vì dân là gốc của nước và ý dân là ý của trời. Nhà vua cho rằng mình chỉ là Thiên Tử (con của Trời) cho nên phải hành xử theo đúng ý của Trời, đúng theo quan niệm trị nước của người Nho Giáo chân chính “DÂN VI QUÍ, XÃ TẮC THỨ CHI, QUÂN VI KHINH”, tức là quyền lợi của người dân phải được đặt lên hàng đầu, kế đến là quyền lợi quốc gia và sau cùng mới đến quyền lợi của nhà vua.

Tin tức về HỘI NGHỊ DIÊN HỒNG được truyền đi đã làm cho mọi người dân đều sững sốt. Họ sững sốt bởi vì xưa nay các đấng quân vương đều coi người dân là kẻ thấp hèn và gạt họ ra ngoài vòng chính trị. Vua vờ vào kinh thành Thăng Long để bàn việc nước? Không thể nào có việc như thế được. Nhưng thật sự những lời lẽ trong chiếu chỉ của Đức Vua vẫn còn đang vang vọng trên khắp các nẻo đường đất nước.

Đứng trước một vấn đề sinh tử của cả dân tộc và đất nước, vua Trần Nhân Tông đã không dám quyết định lấy một mình. Ngài đã nảy ra một sáng kiến lạ lùng là đi hỏi ý kiến của quốc dân. Ngài quan niệm rằng dân là gốc của nước. Trong sự tôn vinh của đất nước, tất nhiên người dân cũng phải có trách nhiệm như những kẻ cầm quyền. Đất nước là của chung của tất cả mọi người, không phải là của riêng của một dòng họ.

Trong một xã hội có trật tự kỷ cương, có lễ phép và tôn trọng người già theo quan niệm Nho giáo “Kính Lão Đắc Thọ”, thì người xứng đáng để đại diện cho quốc dân không ai khác hơn là các vị bô lão. Nhà vua cũng tôn trọng tập quán của dân tộc ta từ thuở xa xưa: “Đi xa hỏi già, về nhà hỏi trẻ”. Vua Trần Nhân Tông đã ban yến tiệc thịnh soạn để thết đãi các bô lão -- Những vị “Đại Biểu” của quốc dân đến từ khắp các miền của đất nước -- tại Điện Diên Hồng ở hoàng cung. Nhà vua thẳng thắn trình bày cho họ nghe tất cả các điều nhục nhã mà một nước nhược tiểu ít của, thưa người đang

phải chịu; Nỗi khó khăn nhục nhằn mà dân tộc sẽ trải qua nếu bị người Mông Cổ đô hộ và điều quan trọng nhất, nhà vua đã thành thật trình bày về thực lực của quân ta, về cái giá mà cả dân tộc phải cùng nhau gánh chịu một khi chúng ta bất buộc phải tiến hành cuộc chiến tranh để chống lại quân Mông Cổ xâm lăng. Sau cùng, Nhà Vua xin các vị bô lão cho ý kiến. Nhà Vua hỏi:

“Trước nhục nước nên HÒA hay nên CHIẾN?”

Các vị đại biểu đồng loạt giơ tay lên cao trả lời:

“QUYẾT CHIẾN. Quyết tiến lên, giữ nước nhà, nổi chí tiền nhân anh hùng không khuất phục trước quân thù.”

Nhà Vua lại hỏi:

“ Thế nước yếu lấy gì lo chiến chinh ?”

Các đại biểu bô lão lại trả lời:

“HY SINH. Thế liều thân cho tổ quốc, cho non sông Đại Việt và cho con cháu ngàn đời sau.”

Cả nước lúc ấy cùng tham dự chiến tranh, cả nước đã hòa thành một khối. Người dân tự ý thức được rằng đánh giặc là đánh cho họ, không phải cho ai cả bởi vì đất nước là của họ và quyền lợi của họ cũng gắn liền với quyền lợi của đất nước. Nếu để đất nước mất thì họ cũng sẽ mất tất cả. Ở nước ta, kể từ thời lập quốc, chưa bao giờ Vua, Triều Đình và dân gian lại hòa hợp, thân mật và bình đẳng với nhau như thế. Chưa bao giờ tinh thần quốc gia và lòng yêu mến độc lập lại mạnh mẽ như thế. Chính vua Trần Nhân Tông là người đã tạo ra chất keo của tinh thần đoàn kết dân tộc, tinh thần ấy đã nối kết tất cả mọi giai cấp trong cả nước thành một khối vững mạnh chặt không đứt, bứt không rời, có thể đánh bại tất cả mọi kẻ thù xâm lăng hung hãn nhứt từ phương khác đến. Tinh thần đoàn kết dân tộc ấy chính là kim chỉ Nam cho cả dân Việt để cùng nhau chung vai gắng sức 2 lần vẫy vung đánh bại quân Mông Cổ, một đội quân bách chiến bách thắng lúc bấy giờ.

Bởi vì tinh thần đoàn kết và đồng tâm hiệp lực bất khả xâm phạm ấy của tổ tiên ta đã giữ vững được được giang sơn, để lại cho con cháu đời sau một tấm gương sáng ngời về tinh thần đoàn kết, lòng tự tin vào sức mạnh dân tộc và gương hy sinh chói lọi. Vua Trần Nhân Tông chính là linh hồn của 2 cuộc chiến tranh giữ nước, giành được chiến

thắng vẽ vang vào năm 1285 và 1288, tô đậm thêm niềm tự hào cho những trang sử chống xâm lăng đầy chính nghĩa của dân tộc Việt.

Khi đất nước sạch bóng quân thù, vua Trần Nhân Tông đã diu dắt toàn dân hàn gắn mọi vết thương chiến tranh và xây dựng đất nước trở nên thái bình thịnh trị trong 6 năm. Sau khi vua cha là Thượng Hoàng Trần Thánh Tông mất vào năm 1290, vua Nhân Tông nghĩ mình đã làm tròn đạo hiếu với cha, nay cha đã qua đời thì Ngài sẽ bắt đầu thực hiện những hoài bão sâu kín của mình. Năm 1293, sau khi mãn tang cha, vua Nhân Tông liền nhường ngôi cho con là Thái tử Trần Thuyên (tức vua Trần Anh Tông), xưng là Thái Thượng Hoàng rồi lui về phủ Thiên Trường, coi sóc lăng miếu Tổ Tiên, chuyên tâm nghiên cứu và biên soạn kinh sách về đạo Phật.

Thượng Hoàng Trần Nhân Tông thấy rằng trong giáo lý đạo Phật có rất nhiều điều tốt, có thể làm tăng tình đoàn kết, xây dựng được nền đạo đức xã hội tốt đẹp trong đời sống của mọi tầng lớp nhân dân cho nên Ngài quyết tâm thành lập một giáo phái Phật Giáo mới để dạy dỗ cho thần dân Đại Việt. Ngài đặt tên cho giáo phái đó là Thiên Phái Trúc Lâm.

Năm 1294, Thượng Hoàng Nhân Tông dọn về Vũ Lâm (Gia Khánh, Ninh Bình) để thực tập xuất gia tu hành và có ý định tu ở đó. Ngài lấy đạo hiệu là Trúc Lâm Đại Sĩ. Hành cung Vũ Lâm nằm ở xã Vũ Lâm, Huyện Yên Khánh, ngày nay thuộc huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Mặc dù đã quyết chí xuất gia tu hành, nhưng Thượng Hoàng Nhân Tông vẫn không bỏ mặc việc dân, việc nước cho vua mới là Trần Anh Tông. Ngài luôn dạy dỗ đệ tử rằng đi tu với giữ nước là một. Thượng Hoàng dứt khoát khẳng định rằng: “Đạo Phật cấm sát sinh, nhưng giết giặc dữ cứu dân không có gì là trái đạo”. Thượng Hoàng Trần Nhân Tông đã dùng cả cuộc đời mình để chứng minh chân lý đó.

Ngài về Vũ Lâm để tu hành vào tháng 7 năm 1294 thì đến tháng 8, năm 1294 thì Ngài lại khoác lên chiến bào Đại Tướng, cầm quân đi chinh phạt Ai Lao.

Ai Lao (tức nước Lào ngày nay) là nước nhỏ ở phương Nam, thường xưng thần và triều cống cho Đại Việt. Gặp khi quân Mông Cổ sang đánh nước ta, vua Ai Lao không những đã tự ý bỏ lệ triều cống, mà lại còn đem quân tràn qua biên giới để cướp bóc quấy nhiễu dân ta vì họ cho rằng Đại Việt không thể nào tự bảo vệ mình trước sức tấn công dũng mãnh của quân Nguyên thì làm sao có thể mang quân sang chinh phạt họ. Quả thật vua Trần Nhân Tông vào thời điểm ấy đã chịu nhục nhường nhịn nước Ai Lao. Khi Thượng Hoàng Trần Thánh Tông mất vào năm 1290, trong khi cả nước Đại Việt đang đau buồn lo cử hành tang chế thì họ cũng nhân cơ hội ấy lại tràn qua biên giới để quấy nhiễu nước ta. Lúc bấy giờ vua Trần Nhân Tông giận lắm đã định dẫn quân đi chinh phạt, nhưng vẫn vờ bá quan đều tâu xin rằng nhà vua đang có tang, nên tránh việc động binh. Vua Nhân Tông lại nghe lời tâu đó cho nên vẫn án binh bất động để tiếp tục nhường nhịn Ai Lao.

Năm 1293, sau khi đã mãn tang Thượng Hoàng Trần Thánh Tông, vua Nhân Tông nhường ngôi cho con rồi lui về Thiên Trường để chăm sóc lăng miếu và xuất gia tu hành thì vua Ai Lao lại khinh vua trẻ Trần Anh Tông vừa mới lên ngôi, chế nhạo vua cha Nhân Tông lia xa trần tục, tìm đến cửa Thiên nên đã đem quân tràn sang biên giới, xua quân vượt qua sông Chàng Long để tấn công Đại Việt. Lần này thì Thượng Hoàng Nhân Tông nhất quyết cởi áo Thiên sư, khoác lên chiến bào Đại Tướng, kéo quân sang Ai Lao để dạy cho họ bài học của một nước láng giềng có đạo nghĩa và dạy luôn cả lễ giáo dành cho một nước đã xưng thần. Và dĩ nhiên, điều quan trọng nhất là Thượng Hoàng muốn chứng minh với họ về sức mạnh thật sự của quân dân Đại Việt.

“Thượng Hoàng Nhân Tông thân đi đánh Ai Lao, đánh tan quân địch. Trung Thành Vương làm tướng đánh trận tiên phong, không tuân theo quân lệnh của Thượng Hoàng, ham lập công nên đã dẫn quân đuổi sâu vào đất giặc, bị giặc bao vây. Thượng Hoàng lại cất cử Phạm Ngũ Lão làm cánh quân đánh yểm trợ, đã đánh giải vây cho Trung Thành Vương, lại nhân đó tung quân đánh bại quân địch. Giặc thua to, Thượng Hoàng ban thưởng cho Phạm Ngũ Lão một tấm kim phù (phù bằng vàng).” (Phỏng theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư).

Vào tháng 6 năm 1295, Thượng Hoàng Trần Nhân Tông đem đoàn quân thắng trận trở về kinh thành Thăng Long làm lễ Ban Sư, thăng thưởng cho những tướng sĩ lập được công trận rồi lại trở về Vũ Lâm tiếp tục khoác áo Thiên Sư trở lại đời sống tu hành.

Năm Kỷ Hợi, tháng 5, 1286 Thượng Hoàng từ Vũ Lâm về thăm kinh thành Thăng Long từ tờ mờ sáng. Các quan đều ra đón rước nhưng những người trong hoàng cung đều không hay biết. Vua trẻ Trần Anh Tông đêm trước đã uống rượu quá say, chưa tỉnh dậy để họp triều. Thượng Hoàng đi dạo xem khắp cung điện. Đến bữa ăn trưa, người hầu trong cung dâng cơm. Vẫn không nhìn thấy vua Trần Anh Tông trong bàn ăn, Thượng Hoàng giận lắm bèn gọi cung nhân đánh thức vị vua trẻ dậy ăn cơm. Nhưng vì vua Anh Tông say quá nên không thể nào dậy nổi để ra hầu tiếp cha mình. Thượng Hoàng liền rời hoàng cung và xuống chiếu cho các quan ngày hôm sau phải đến phủ Thiên Trường để nghe Thượng Hoàng ban chiếu chỉ. Mãi đến chiều thì vua Anh Tông mới tỉnh dậy. Mọi người trong cung liền tâu lại việc Thượng Hoàng có đến thăm nhưng không được gặp vua. Vua Anh Tông sợ lắm, vội vàng đi bộ ra khỏi cung rồi cùng một người học trò tên là Đoàn Như Hải dung thuyền nhẹ đến phủ Thiên Trường, dâng biểu xin tạ tội. Thượng Hoàng cho triệu vua Anh Tông vào, dạy rằng:

“Trẫm còn có nhiều người con tài giỏi khác có thể nối ngôi vua để chấn dất thần dân trăm họ. Trẫm còn sống đây mà Quan Gia đã hành xử như thế thì sau này khi trẫm mất thì Quan Gia sẽ trị nước như thế nào?”. (Chữ “quan gia” là chữ của người khác dùng để xưng hô khi nói chuyện với nhà vua một cách thân mật nhưng không giảm phần kính trọng. Trong trường hợp này Thượng Hoàng như có vẻ nói lẫy với vua Anh Tông trong lúc Ngài đang còn giận.)

Vua Anh Tông chỉ một mực cúi đầu xin tạ lỗi. Thượng Hoàng lại hỏi:

“Người đã biên soạn tờ biểu là ai?”

Vua Anh Tông thành thật tâu bày đó là một người học trò đang học ở trường Quốc Tử Giám, chưa từng đỗ khoa nào, không có công danh, tên là Đoàn Như Hải. Vua Anh Tông đã tình cờ gặp được người ấy tại chùa Tư Phúc ở hoàng cung, trên

đường nhà vua hối hả đi tìm gặp Thượng Hoàng để xin tạ tội. Người học trò ấy chỉ trong khoảnh khắc đã thảo xong tờ biểu tạ tội, từng chữ từng lời đều mang hết vẻ hối cải, ăn năn.

Thượng Hoàng liền cho triệu Như Hải đến và ban khen:

“Tờ biểu nhà ngươi soạn rất hợp với ý của Trẫm”.

Sau đó Thượng Hoàng ban chiếu tha tội và cho phép “Quan Gia Trần Thuyên” được trở lại ngôi vua. Bá quan văn võ lại trở về triều như cũ.

(Phỏng theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư).

Thượng Hoàng Nhân Tông trong gia pháp dạy con nghiêm nhặt như thế, cho nên con cháu Nhà Trần có nhiều vị vua tài giỏi, sáng suốt, vì biết nghe theo lời răn và noi gương sáng của Ngài. Thượng Hoàng đã áp dụng nguyên tắc dạy con theo quan niệm của Nho Giáo:

“Thượng bất nghiêm, hạ tắc loạn”. Ngài cho rằng vua Anh Tông là Thiên Tử thì phải sống mẫu mực để làm gương cho hoàng tộc Nhà Trần và tất cả bá quan trong triều. Thượng Hoàng đã làm theo lời dạy TU, TẾ, TRỊ, BÌNH của Đức Khổng Tử, tức là “Tu Thân, Tề Gia, Trị Quốc, Bình Thiên Hạ.” Đó là lý thuyết trước nhất phải tu dưỡng trở nên người tốt, đem thân làm gương cho kẻ khác, sau đó thì chăm lo dạy dỗ cho con cái trong nhà phải sống mẫu mực đàng hoàng, rồi mới ra làm người lãnh đạo quốc gia gương mẫu, dẫn dắt toàn dân sống đạo đức đàng hoàng, nương theo chính nghĩa. Sau cùng là cảm hóa thiên hạ nên sống thái bình, an lạc theo quan niệm sống đúng đắn của mình. Lý thuyết này hiện nay vẫn còn được áp dụng trong xã hội của những quốc gia dân chủ tiên bộ, vẫn còn là phương châm hàng đầu cho những nhà lãnh đạo đứng đắn, mang lý tưởng hết lòng hết sức ra phục vụ tổ quốc, phục vụ dân tộc và phục vụ cho sự tiến hoá của loài người.

Thượng Hoàng Trần Nhân Tông quả là một nhà chính trị lỗi lạc đại đức, đại trí, đại tài. Ngài quả thật là một chính trị gia quân tử chân chính luôn mang cái tâm Bô Tát. Trong cái NGHIÊM của Ngài vẫn luôn chứa đựng cái NHÂN to tát, làm cho kẻ thù, kẻ dưới

Và người đời sau mãi mãi cảm vì ĐỨC, tin vì TRÍ, phục vì TÀI.

Do lòng kính mộ các cao tăng của Thiên môn Yên Tử như các Tổ Hiện Quang, Đạo Viên, Đại Đăng, Tiêu Diêu đã và đang tu hành tinh tấn tại Yên Sơn, cho nên vào tháng 7 năm 1299 Thượng Hoàng Nhân Tôn cho giải tán tất cả những người tùy tùng đã theo hầu Ngài từ lúc mới rời hoàng cung Thăng Long, Ngài chính thức rời Vũ Lâm, về Yên Tử tu hành. Trên đường từ Vũ Lâm đến Yên Tử, Thượng Hoàng đã ghé qua Long Động để từ biệt tất cả các cung tần, mỹ nữ, cho phép họ được tự do trở về quê quán để sinh sống làm ăn, người nào không muốn về quê thì cấp nhà tại chân núi cho họ ở.

Thượng Hoàng Trần Nhân Tôn đã tìm vào ra mắt các Thiên Tăng đang trụ trì ở Yên Tử để xin được phát nguyện tu hành. Cả sơn môn Yên Tử thành kính đón rước Ngài, như đã có nhân duyên từ kiếp trước. Các cao tăng Yên Tử ban cho Thượng Hoàng pháp danh là ĐIỀU NGỰ GIÁC HOÀNG, tức là vị Hoàng Đế tự thắng được chính mình, giác ngộ đạo Phật.

Điều Ngự Giác Hoàng tu hành theo hạnh Đầu Đà, tức là tu khổ hạnh, mặc áo nâu, đi hài cỏ, dung am tranh trên núi gọi là Am Ngọa Vân để ngày đêm tinh tấn tu hành.

Từ lúc về sơn môn Yên Tử, Điều Ngự Giác Hoàng mới được rảnh rang để hoàn toàn lo việc đạo. Ngài đi khắp nơi trong nước để giảng giải cho dân chúng hiểu rõ và làm theo mười điều Thiện (Thập Thiện) của giáo lý nhà Phật là:

1. KHÔNG SÁT SANH HẠI VẬT
2. KHÔNG TRỘM CẮP
3. KHÔNG TÀ DÂM
4. KHÔNG NÓI DỐI
5. KHÔNG NÓI ÁC
6. KHÔNG NÓI CHIA RẼ
7. KHÔNG THAM LAM
8. KHÔNG GÂY HẬN THÙ OÁN
9. KHÔNG NÓI ĐIỀU VÔ NGHĨA
10. KHÔNG SI MÊ ĐÀM DỤC

Vết chân của Điều Ngự Giác Hoàng đã đi khắp cùng đất nước để giáo hóa người dân. Đi đến đâu, Ngài xin khất thực những thức cúng dường của dân chúng để sống qua ngày đến đó, thực hành kiếp tu khổ hạnh. Ngài lúc nào cũng sống vui vẻ yêu đời,

nhập vào thế tục. Ngài đi rất nhiều nơi để thuyết Pháp, viết rất nhiều bài kệ trong đó cô đọng lại 14 điều dạy để mọi người theo đó mà thực hành, tu dưỡng trong đời sống hàng ngày của mình. Những điều dạy của Ngài là:

1. KẸ THÙ LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ CHÍNH MÌNH.
2. NGU DỐT LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ DỐI TRÁ.
3. THẤT BẠI LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ TỰ CAO TỰ ĐẠI.
4. BI AI LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ GHEN TỶ.
5. SAI LÂM LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ ĐÁNH MẮT MÌNH.
6. TỘI LỖI LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ BẤT HIỂU.
7. ĐÁNG THƯƠNG LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ TỰ TY.
8. ĐÁNG KHÂM PHỤC LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ VƯỜN LÊN SAU KHI NGÃ.
9. PHÁ SÀN LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ TUYỆT VỌNG.
10. TÀI SẢN LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ SỨC KHỎE VÀ TRÍ TUỆ.
11. MÓN NỢ LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ TÌNH CẢM.
12. LẺ VẶT LỚN CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ KHOAN DUNG.
13. KHIẾM KHUYẾT LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ KÉM HIỂU BIẾT.
14. AN ỦI LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ BỔ THÍ.

Giáo lý Phật Giáo của Điều Ngự Giác Hoàng là một giáo lý thế tục, không có sự cách biệt giữa người tu tại gia và kẻ xuất gia. Nhưng giáo lý Phật Giáo mà dung để giảng dạy cho thần dân Đại Việt không phải là Phật Giáo Đại Thừa ở Ấn Độ, cũng không phải là Thiên Tông của Trung Quốc, mà là một sự kết hợp tuyệt vời những ưu điểm của hai dòng Thiên giáo trên, sao cho phù hợp với hoàn cảnh và phong tục tập quán của quốc gia Đại Việt thời bấy giờ.

Thiền Giáo Trúc Lâm quan niệm TU LÀ NHẬP THỂ. Trong khi Phật Giáo Đại Thừa của Ấn Độ và Thiền Tông Trung Quốc khuyên chúng sinh nên bỏ cuộc đời trần tục đầy đau khổ, oan trái để vào núi chằm chỉ toạ thiền, mong kiếp sau sẽ trở thành Phật, được sung sướng trên cõi Niết Bàn, thì Phật Giáo theo lý thuyết của Điều Ngự Giác Hoàng Nhân Tôn răn dạy Phật tử không nên xa lánh cuộc đời, vừa tu tại gia vừa làm tròn bổn phận của một công dân đối với tổ quốc. Thiền phái Trúc Lâm quan niệm ngộ đạo không phải ở đâu xa mà ở chính trong cuộc đời, ĐỜI và ĐẠO phải đan xen, bổ túc cho nhau, không mâu thuẫn, không đối nghịch.

Cuộc đời mà Thiền Trúc Lâm quan niệm là tranh đấu không mệt mỏi để đạt đến một quan niệm sống tốt đẹp giữa người với người, bình đẳng bác ái, không chiếm tranh bạo lực, không lường lợc dối trá, không tham lam trộm cướp, không buông thả tà dâm. Điều Ngự Giác Hoàng quan niệm rằng:

“Trong núi vốn không có Phật. Phật chỉ ở trong Tâm. Phật ở ngay tại tâm mình chớ không phải ở đâu xa. Tâm lặng lẽ mà biết thì đó là Tâm Phật.”

Đức Điều Ngự đã từng nói rõ:

“Vậy mới hay
Phật ở trong nhà
Chẳng phải tìm xa
Do đánh mất mình
Nên ta đi tìm Phật.”

(Trích trong “Cư Trần Lạc Đạo” của Điều Ngự Giác Hoàng)

Trong quyển kinh “Khoá Hư Lục”, Ngài lại nói một cách dứt khoát hơn:

“Phật không phải chỉ ở trong tâm, mà chính Người là Phật. Thân ta tức là thân Phật, thân không có hai tướng.”

Ngài lại dẫn lời của Đức Phật Tổ Nhu Lai cũng từng nói với các đệ tử rằng: “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành.”

“Con Người Phật” mà Thiền Trúc Lâm quan niệm đó là mẫu người không THAM, SÂN, SI, là con người sống cao đẹp, hết lòng vì dân, vì nước. Đó là ý nghĩa đích thực của một quan niệm sống cao thượng, sống để yêu đời, yêu người và để nhận lấy tình yêu từ người và đời mang lại. Đó là lời

giải đáp cho câu hỏi: “ Vì sao con người lại hiện diện trên thế gian này?”

Tư tưởng TA LÀ PHẬT của Điều Ngự Giác Hoàng đã tạo cho con người mang ý thức tự tu tâm dưỡng tánh để trở thành người tốt, làm chủ cuộc đời, làm chủ xã hội, đưa con người đạt đến cảnh giới CHÂN, THIÊN, MỸ, biến cuộc đời thành cõi Niết Bàn. Cảnh giới Niết Bàn là ở ngay trong cuộc sống hiện tại, không cần phải đi tìm ở chốn xa xôi, mơ hồ. Đi tu mà vẫn canh cánh bên lòng việc dân, việc nước thì trong lịch sử Phật Học Việt Nam và Phật Học thế giới thật hiếm thấy có vị Thiền Sư nào giống như Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tôn.

Ngài giảng dạy giáo lý của Thiền Giáo Trúc Lâm không mệt mỏi, có công tìm kiếm và đào tạo những đệ tử có tài năng, có giới đức, xứng đáng là người Thầy tâm hồn của Phật Tử như Thiền Sư Pháp Loa, Huyền Quang, Bảo Sát, Pháp Không... để nhường trao Y Bát, tiến tới việc thành lập Giáo Hội Phật Giáo Đại Việt, hoàn toàn độc lập với tất cả các giáo phái Phật Giáo của Trung Hoa và Ấn Độ.

Trên đỉnh núi Yên Tử cao vời vợi, Ngài đã lập ra Am Thung, Am Dược để làm nơi luyện thuốc. Ngài tự tay trồng lấy hoặc bỏ công ra tìm tòi từng cây thuốc để bào chế thành viên. Những viên thuốc mang tên Hồng Ngọc Sương được chế ra từ cây rừng Yên Tử không những chỉ dùng để trị bệnh cho Hoàng Tộc Nhà Trần ở Thăng Long mà lại còn được mang ra để phát không cho dân nghèo quanh vùng trong những mùa dịch tễ.

Tháng 3 năm 1301, Điều Ngự Giác Hoàng lại đi khắp thôn quê trong nước để tiếp tục xem đời sống của người dân và tiếp tục giảng đạo, dạy dân thực hành 10 điều Thiện trong giáo lý Phật giáo Trúc Lâm. Ngài đi đến tận Bồ Chánh (Quảng Bình ngày nay) để dựng Am Tri Kiến. Đi đến đâu, Thượng Hoàng lại khát thực đến đó để thực hành đời sống tu hành truyền đạo. Đến nước Chiêm Thành, Ngài bình thân đi khát thực trong thành Đô Bàn. Vua Chiêm là Chế Mân biết được, rất kính trọng và đề nghị thỉnh mời Thượng Hoàng ở lại Vương Quốc Chiêm Thành để giảng đạo. Thượng Hoàng lại nhớ đến gần 20 năm trước đã cùng liên thủ với Chiêm Thành để chống lại quân Nguyên,

lúc ấy Chế Mân hãy còn là Hoàng Thái Tử của Chiêm Thành, tuổi trẻ tài cao, đánh giặc rất anh dũng thiện chiến, đầy lùi được quân Nguyên. Thượng Hoàng nhận lời mời, ở lại với cố nhân một thời gian để cùng nhau ôn lại chuyện xưa.

Thượng Hoàng Nhân Tôn đã ở lại Chiêm Thành trong 8 tháng để giảng đạo cho vua Chế Mân và thần dân Chiêm Thành. Trong khoảng thời gian này, Ngài đã mở lời hứa gả con gái là Công Chúa Huyền Trân cho vua Chiêm để kết chặt thêm tình thân hữu của hai nước qua chính sách Hòa Thân. Ngài muốn dung chính sách ngoại giao mềm dẻo để mang lại hòa bình cho tổ quốc ở biên giới phương Nam.

Tháng 11 năm 1301, vua Chế Mân lo sắp đặt thuyền bè, nghi trượng rồi đích thân cung tiễn Thượng Hoàng về nước bằng đường thủy. Thượng Hoàng lại tiếp tục trở về Yên Tử tu hành, hàng ngày giảng kinh cho các đệ tử, ban đêm thì nghiên cứu và viết thêm những kinh sách Phật.

Năm 1304, vua Trần Anh Tôn đã cung thỉnh Điều Ngự Giác Hoàng về kinh thành Thăng Long và xin được thụ Bồ Tát Giới. Các Vương gia, công tử, Công Chúa, Hoàng Tử, tiểu thơ, các quan đại thần cùng theo gương đó mà phát nguyện quy y, thọ trì Tam Quy, Ngũ Giới của đạo Phật. (2)

Cả triều đình Nhà Trần đều quy y theo Phật giáo, làm chỗ dựa vững chắc cho Giáo Hội Phật Giáo Trúc Lâm Đại Việt mà Đức Điều Ngự Giác Hoàng được suy tôn làm Giáo Chủ. Đạo hiệu Trúc Lâm của Ngài đã được dùng để đặt tên cho dòng Thiền phái mang bản sắc Đại Việt do chính Ngài sáng lập và Ngài trở thành Đệ Nhất Tổ Trúc Lâm.

Phật Pháp quan niệm rằng những bậc tu hành đạo cao đức trọng sẽ chứng được các phép thần thông như TỨC MẠNG THÔNG (biết được vận mạng quá khứ, định số tương lai), THIÊN NHẮN THÔNG (nhìn được xa muôn dặm), và THA TÂM THÔNG (biết được lòng kẻ khác). Hàng ngày, Điều Ngự Giác Hoàng ngồi trong am cỏ Ngọa Vân để tham thiền nhập định. Quanh am đều có mây trắng tụ hội, bao trùm lên am. Khi màn đêm buông xuống, trời đất đều chìm trong bóng đen nhưng người ngồi trong am vẫn trông thấy tất cả những điều đang xảy ra ở kinh thành Thăng Long, ở biên giới Đông, Tây, Nam, Bắc của tổ quốc. Ngài đang

dùng hào quang định lực của mình mà soi sáng cả mọi nơi, mọi việc Ngài đều thông tỏ.

Năm 1308, vào dịp Tết Mậu Thân, Điều Ngự Giác Hoàng đến chùa Báo Ân, cho gọi đệ tử là Pháp Loa đến trụ trì chùa, mở trường giảng dạy giáo lý Thiền Trúc Lâm và Ngài chính thức chọn Thiền Sư Pháp Loa là người kế vị làm Đệ Nhị Tổ. Sau đó Ngài đến chùa Vĩnh Nghiêm ở Lạng Giang, cư ngụ trong 3 tháng để thuyết giảng kinh “Cảnh Đức Truyền Đăng Lục” cho các đệ tử và Phật tử. Sau đó Ngài lại trở về Yên Tử để giảng về “Truyền Đăng Lục” cho Thiền sư Pháp Loa. Ngài lại truyền cho tất cả các người hầu cận hãy trở về nhà, chỉ để lại đệ tử Báo Sái ở hầu bên cạnh.

Ngày 5 tháng 10, 1308 Ngài về kinh thành Thăng Long để thăm người chị ruột là công chúa Thiên Thụy lần cuối. Ngày 16 tháng 10 Ngài rời Thăng Long trở về Yên Tử. Ngài nghỉ qua đêm ở chùa Siêu Loại. Sáng hôm sau Ngài dậy sớm đi bộ đến chùa làng Cổ Pháp và tư tay đề thơ rằng:

“Thế số nhất tức mặc
Thời tình lưỡng hải ngân
Ma quân hồn quân thậm
Phật quốc bất thăng Xuân”

Dịch: “Số ở đời chỉ như một hơi thở, tình đời như hai biên bạc. Bọn quan ma quỷ quá lắm. Nước Phật vui không xiết.” (Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư)

Ngày 17 tháng 10 năm 1308 Điều Ngự Giác Hoàng nghỉ đêm ở chùa Sùng Nghiêm. Tuyên Từ Hoàng Thái Hậu (vợ của Thượng Hoàng Trần Nhân Tôn) đang tu ở am Bình Dương, mời Điều Ngự đến dùng cơm chay. Ngài rất vui mừng, bảo với các đệ tử:

“Đây là bữa cơm cúng dường cho ta lần cuối đây.”

Ngày 18 tháng 10 năm 1308, Điều Ngự Giác Hoàng đi bộ lên đỉnh núi Yên Tử, muốn đến am Ngọa Vân nhưng sức chân quá mỏi, Ngài muốn về am ngay đêm nay. Hai Thiền sư đệ tử là Từ Man và Hoàn Trung gắng sức công Ngài lên đỉnh núi. Ngài hết sức cảm ơn rồi khuyên hai đệ tử xuống núi tiếp tục việc tu hành, không nên quá xem trọng việc sanh tử.

Ngày 19 tháng 10, Ngài cho người đi gọi đệ tử Báo Sái đến. Ngày 21 tháng 10 năm 1308, Báo Sái

về đến Yên Tử. Trên đường lên núi Ngọa Vân, ngang qua suối Doanh

(Doanh tuyến), Bảo Sái thấy có hai con rồng vàng hiện lên từ trong dòng suối, một lúc sau thì biến mất, trong lòng rất làm lạ. Khi Bảo Sái đến am Ngọa Vân, Điều Ngự Giác Hoàng trông thấy liền tươi cười nói:

“Ta sắp đi đây. Sao nhà ngươi đến trễ vậy. Nếu có gì không hiểu trong đạo Phật, thì ngươi hãy hỏi ngay đi.”

Từ ngày đó trở đi, vùng đất xung quanh Yên Tử mưa gió triền miên, trời đất u ám. Khi, vượn đến kêu gào than khóc quanh am Ngọa Vân. Ngay cả các loài chim núi vẫn thường tụ về am mỗi khi Điều Ngự Giác Hoàng thình chuông để tụng kinh công phu cũng kêu lên những tiếng kêu ai oán, náo nùng.

Ngày mồng 1, tháng 11 năm 1308 vào lúc nửa đêm, trời đầy sao sáng. Điều Ngự Giác Hoàng cho triệu hai đệ tử Bảo Sát và Pháp Loa vào. Ngài hỏi:

“Giờ này là giờ gì?”

Bảo Sái cung kính trả lời:

“Bạch Sư Phụ, bây giờ là giờ Tý.”

Điều Ngự lại nói:

“Đó là giờ ta phải đi.”

Bảo Sái ngồi bật dậy nói:

“Bạch Sư Phụ đi đâu vào giờ này?”

Ngài gương ngồi lên, nhìn Bảo Sái, miệng đọc bài kệ:

“Mọi Pháp đều không sinh,
Mọi Pháp đều không diệt,
Nếu hiểu được điều này,
Phật hiện ra trước mắt,
Không đến cũng không đi.”

Nói rồi Ngài trao cho Thiền Sư Pháp Loa Tâm Ấn để trở thành Đệ Nhị Tổ phái Trúc Lâm. Sau đó Ngài nằm xoay người theo kiểu sư tử nằm rồi hóa. Tương truyền Ngài đã thành Phật.

Trước đó 2 ngày, Ngài đã bảo đệ tử là Thiền Sư Pháp Đăng lấy giấy, mài mực để Ngài thảo sẵn một bản chúc thư. Di chúc truyền rằng:

“Điều Ngự Giác Hoàng không muốn có một lễ quốc táng trọng thể ở triều đình Thăng Long. Ngài đã xuất gia và là người của sơn môn Yên Tử. Ngài muốn chính các đệ tử của Ngài làm lễ hỏa táng Ngài với một nghi lễ thật đơn sơ. Ngài muốn được dựng

dàn thiêu ngay trong am Ngọa Vân và chỉ được báo tin về kinh thành Thăng Long cho triều đình biết sau khi đã làm lễ hỏa thiêu Ngài. Bảo Sái, Pháp Loa, và đệ tử sơn môn cứ y theo di chúc mà lo liệu.”

(Phòng theo “Trúc Lâm Tam Tổ Thực Lục”).

Tuân theo lời di chúc của Ngài lúc còn tại thế, hai Thiền Sư đệ tử là Bảo Sái và Pháp Loa đã hỏa táng thi thể của Ngài rồi cho người về kinh thành Thăng Long báo tang. Vua Trần Anh Tôn và cả triều đình đi thuyền đến Yên Tử, vái lạy từ chân núi, tiếng than khóc vang cả một góc trời. Ngọc Xá Lợi (Phần xương còn lại sau khi đốt) của Điều Ngự Giác Hoàng được chia làm 3 phần, một phần chôn ở lăng miếu của các vua Trần ở phủ Thiên Trường, một phần chôn ở chùa Hoa Yên trên núi Yên Tử, và phần còn lại được đặt tại Đức Lăng ở Long Hưng. Vua Trần Anh Tôn và triều thần về Thăng Long tổ chức lễ Quốc Táng đơn giản theo di chúc của Thượng Hoàng, dâng tên hiệu cho Ngài là ĐẠİ THÁNH TRẦN TRIỆU TRÚC LÂM ĐÀU ĐÀ TỈNH HUỆ GIÁC HOÀNG ĐIỀU NGỰ TỔ PHẬT.

Thượng Hoàng Trần Nhân Tôn ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm, thọ 51 tuổi.

Thượng Hoàng là người học thức uyên bác, hiểu rất sâu về đạo Thiền. Những tác phẩm về Thiền Giáo mà Ngài đã để lại cho đời sau gồm có “Thiền Lâm Thiết Chủy Ngữ Lục”, “Đại Hương Hải Ấn Thi Tập”, “Tăng Già Toái Sự”, “Thạch Thất My Ngữ”... đều được lưu truyền giảng dạy cho các đệ tử Phật Giáo ở nước Việt.

Vua Trần Minh Tôn (Thái Tử Trần Mạnh), là cháu nội của Thượng Hoàng Trần Nhân Tôn, khi nhận xét về Tổ Tiên của mình và cũng để răn dạy con cháu, Nhà vua đã viết trong quyển “Ngự Tập” của mình như sau:

“Thế Tôn (chỉ vua Trần Thái Tôn Trần Cảnh) bỏ ngôi báu vàng son, nửa đêm vượt thành, bỏ áo rồng cao sang để lên non xanh cắt tóc, tu tỉnh mạch mà chứng minh đạo Phật. Đến đời Tổ của ta là Điều Ngự Nhân Tôn Hoàng Đế ra khỏi cõi trần tục, đến non cao an vị để vừa tu hành, vừa làm Tướng Quân trấn giữ sơn môn, tiếng thơm không mất, nòi Thánh nối nền thịnh vượng”

(Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư).

Có rất nhiều quan lại và hoàng tộc Nhà Trần trong lúc Điều Ngự Giác Hoàng còn tại thế đã không hiểu được một động cơ vừa bí ẩn, vừa cao thượng đã thúc đẩy Thượng Hoàng Trần Nhân Tông đến núi Yên Tử tu hành, mà Thượng Hoàng cũng không tiện nói với ai. Nhưng cuối cùng thì cháu nội của Thượng Hoàng là vua Minh Tông đã nhìn ra điều bí ẩn đó và có viết di ngôn để lại cho con cháu đời sau. Điều bí ẩn đó cũng được những tri kỷ của đời sau hiểu được khi đọc bài thơ “Đăng Bảo Đài Sơn” của Thượng Hoàng Trần Nhân Tông như sau:

“Đất vắng đài thêm cỏ
Ngày qua Xuân chưa nong
Gần xa mây núi cuốn
Râm nắng ngõ hoa lồng.
Muôn việc nước theo dòng
Trăm năm lòng bảo long
Tựa hiên nâng sáo ngọc
Ngực áo đầy trăng trong”.

Cùng thời với Điều Ngự Giác Hoàng còn có Lý Đạo Tái tức Huyền Quang Tôn Giả, dòng dõi Tôn Thất nhà Lý, năm 25 tuổi thi đỗ Trạng Nguyên, 3 lần thi đều chiếm Thủ Khoa, đương thời được xem như là một Nhan Hồi của Đại Việt. Ông làm quan đến chức Đông Các Đại Học Sĩ dưới triều vua Trần Nhân Tông và Trần Anh Tông, được giao cho trông coi Hàn Lâm Viện, chuyên phụ trách việc soạn thảo các văn thơ cho nhà vua và tiếp rước Sứ Thần của các nước đến bang giao với Đại Việt. Sứ Thần các nước rất nể vì tài học của ông. Năm 51 tuổi, Lý Đạo Tái theo theo vua Trần Anh Tông đến nghe Thiền Sư Pháp Loa thuyết Pháp thì giác ngộ đạo Phật và có ý định đi tu. Ngài trở về triều dâng biểu từ quan và được vua Anh Tông chấp nhận. Ngài về núi Yên Tử tu hành, làm Thị Giả (người ghi lại những lời thuyết pháp) cho Điều Ngự Giác Hoàng. Hai tư tưởng lớn đã gặp nhau và hai kẻ sĩ tri kỷ ấy đã nhìn thấu tâm can của nhau. Lý Đạo Tái xuất gia và được Thiền Sư Pháp Loa thu nhận làm đệ tử, ban pháp danh là Huyền Quang.

Thiền Sư Huyền Quang đã nhìn được nỗi niềm sâu kín của Điều Ngự Giác Hoàng đối với sự an nguy của dân tộc, của đất nước nên sẵn sàng rời bỏ công danh phú quý để theo bước của Thượng Hoàng, phục vụ đạo pháp và phục vụ đất nước.

Thiền Sư Huyền Quang sau này trở thành Đệ Tam Tổ Trúc Lâm. Mãi đến đời Nhà Lê, có Ngô Thời Nhiệm là một quan đại thần, đồ đại khoa Tiến Sĩ và từng là thầy học của Chúa Trịnh Tông, có đến Yên Tử để nghe thuyết pháp về Thiền phái Trúc Lâm, cũng đã phát hiện ra điều bí ẩn của Điều Ngự Giác Hoàng, và ông đã viết:

“Người ta thấy Điều Ngự Đệ Nhất Tổ đến ở chùa Hoa Yên trên núi Yên Tử thì bảo là Ngài xuất gia. Ta (chỉ Ngô Thời Nhiệm) biết rằng Đức Ngài lúc bấy giờ biết xem thiên hạ là trọng, trong nước vô sự, nhưng ở phía Bắc vẫn có nước láng giềng mạnh mẽ, nên chưa được an tâm. Cái ý ấy Ngài không tiện nói rõ, sợ thiên hạ dao động, cho nên khi Ngài đến ngự tại núi Yên Tử, phía Đông nhìn về Yên Quảng, phía Bắc liếc sang hai tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, dựng lên ngôi chùa, thời thường dạo chơi để xem động tĩnh, cốt để ngừa mối lo nước ngoài xâm phạm, thật là một vị Vô Lượng Đại Thế Chí Bồ Tát. Lúc bấy giờ Huyền Quang Tôn Giả mới biết được ý ấy, bèn bỏ cái cao sang của một vị Trạng Nguyên Đại Thần, sớm chiều đi theo Ngài để hoàn thành cái ý nguyện to tát của Ngài.”

(Trích theo “Văn Thơ Ngô Thời Nhiệm”)

Như vậy thì đối với Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông, đi tu và giữ nước là một. Ngài đã lập ra một Thiền Phái Phật Giáo với tôn chỉ mạnh mẽ là HỘ QUỐC, HỘ DÂN và HỘ PHÁP. Ngài luôn đặt sứ mạng của Phật Giáo Việt Nam là giữ gìn độc lập cho tổ quốc. Ấp ủ trong lòng một lý tưởng cao đẹp cho nên Thượng Hoàng Trần Nhân Tông tự nguyện từ bỏ cảnh sống giàu sang quyền quý, trở thành một nhà sư khổ hạnh nơi chôn rừng núi âm u. Nhận xét về giáo lý của Thiền Phái Trúc Lâm, Ngô Thời Nhiệm đã viết:

“Tam Tổ lấy từ bi làm thể, lấy quảng đại làm dụng, đồng đức với trời đất, hợp minh với Nhật Nguyệt. Tam Tổ có cái THANH rất chính, có cái HUÔNG rất dài. Phật như Trúc Lâm Tam Tổ chỉ lấy ngôn ngữ đạo lý mà giáo thế, chẳng những không lộ liễu ở hành sự mà nói năng cũng cao xa, rộng lớn, quanh thoáng...Đáng được các nhà Thiền học suy tôn.”

(Trích theo “Văn Thơ Ngô Thời Nhiệm”)

Cuộc đời của Thượng Hoàng Trần Nhân Tôn là một tấm gương ngời sáng mãi mãi cho hậu thế noi theo. Ngài là một bậc Đế Vương đầy đức hạnh mẫu mực, hết lòng lo cho dân cho nước, đã đem an bình thịnh trị đến cho toàn dân. Ngài là một bậc đại anh hùng của quốc gia Đại Việt đã biến đất nước từ LOẠN sang TRÍ, hóa nguy thành an, xứng đáng là một đấng minh quân ĐẠI TRÍ, ĐẠI DŨNG. Sau khi quét sạch quân xâm lăng ra khỏi cõi bờ, Ngài đã lo thực thi ngay kế sách AN DÂN để an ủi vỗ về dân chúng, xây dựng nước nhà thịnh trị. Khi cảm thấy sứ mạng mà ngày xưa cha mình tận tình giao phó đã tương đối hoàn thành, Ngài liền cởi áo Long

Bào một cách không lưu luyến để truyền ngôi lại cho con, dồn thân vào một sứ mạng tinh thần mới là giáo hóa toàn dân, dạy dân sống cuộc đời đạo đức, bác ái, lương thiện, thật xứng đáng là người Thầy, người cha mẫu mực của cả dân tộc. Ngài là biểu hiện của những tinh hoa thuần túy nhất của Phật Giáo và Nho Giáo.

Hà Nguyễn

(Virginia)



PHÒNG MẠCH BÁC SĨ VÕ ĐẠM

**591 University Blvd. East
Silver Spring, Md 20901**

**Nay đã được trang bị máy móc tối tân
để điều trị các chấn thương do
TAI NẠN LƯU THÔNG**

**Đ.T. (301) 434-4943
Cell Phone (24/24): (240) 422-3454**



TÌNH THƠ

Em về ngàn thế kỷ sau

Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy chẳng?

[Bùi Giáng]

Trăng quện vào Thơ để nhuộm sâu
Để tình vương vấn mãi ngàn sau
Núi còn nguyên núi muôn năm cũ ?
Trăng vẫn vằng trăng ấy thuở đầu ?
Giọng nói dịu dàng say đắm mộng
Tiếng thơ đậm thắm ấm lòng nhau
Chân mây góc biển mà thân thiết
Thắm cảm ơn Thơ nối nhịp cầu

HỒ CÔNG TÂM

Austin, March 15, 2009

Họa

QUA CẦU GIÓ BAY

Nhìn trăng thiên kỷ đọng thêm sâu
Thuở ấy bây giờ mãi mãi sau
Môi má hồng lên hình bóng cũ
Non sông thắm lại thừa ban đầu
Tình say như thể tình say mộng
Tiếng nhớ còn không tiếng nhớ nhau
Cứ đợi chờ ai lòng thốt thiết
Còn mơ tà áo gió qua cầu

Đông Anh

San Jose

SỐ 47

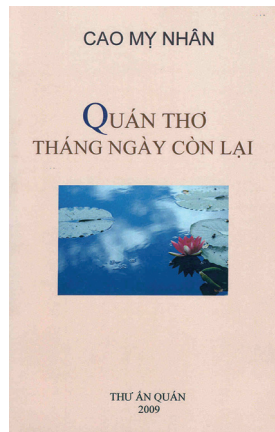
BẾN HOA

Những cuộc tình đan díu mộng mơ
Đã sui ta đôi lúc bơ thờ
Tưởng rằng ưu ái, nhưng kỳ thực
Đó chỉ là ngôn ngữ của thơ.

Khi ngồi tưởng tượng mảnh vườn hoang
Có gió heo may với lá vàng
Lòng bỗng sót sa như ẩn hiện
Nụ cười cùng ánh mắt mênh mang.

Âm ba vẫn điệu chợt mông lung
Mị ảo vương thương mãi cõi lòng
Nhặt những câu văn toàn chữ đẹp
Gởi đi bát ngát, tới vô cùng.

Thượng đế bao la, bất tận xa
Nhưng nghe đâu đó ở quanh nhà
Xin cho một chút tin yêu để
Vượt được bờ gai đến bến hoa.



CAO
MỸ
NHÂN

Hawthorne, Ca, USA

31-3-2009